

Thanh thiếu niên dân tộc thiểu số và những rủi ro liên quan đến mua bán người trên mạng xã hội

7

Nghiên cứu tại
Hà Giang, Điện Biên và Lào Cai

Nhóm thực hiện nghiên cứu:

Vũ Thành Long, Nguyễn Vũ Hải, Bùi Minh Đức,
Lồ Thùy Dung, Phạm Minh Ánh, Trần Thị Ngọc Mai

Tài liệu lưu hành nội bộ

Lời cảm ơn

Nhóm nghiên cứu xin gửi lời cảm ơn tới tổ chức SecDev Foundation đã đồng hành cùng chúng tôi trong suốt quá trình thực hiện nghiên cứu, từ xác định câu hỏi nghiên cứu, khảo sát và phỏng vấn, phân tích số liệu và đóng góp cho báo cáo. Trong suốt quá trình nghiên cứu, chúng tôi nhận được sự hỗ trợ nhiệt tình của tổ chức Blue Dragon giúp cung cấp tài liệu, liên lạc và hỗ trợ thực hiện khảo sát tại Hà Giang và Điện Biên; giúp kết nối và phỏng vấn các nhân viên xã hội tại Hà Nội. Chúng tôi cũng cảm ơn chính quyền các huyện Mèo Vạc, Tuần Giáo; chính quyền các xã Giàng Chu Phìn, Khâu Vai, Mùn Chung, Xuân Lao; ban giám hiệu và các giáo viên các trường THPT Mèo Vạc, THPT Búng Lao, THCS Khâu Vai, THCS Mùn Chung; doanh nghiệp xã hội Sapa O Châu, nhóm Tiên Phong Lào Cai đã tạo điều kiện tổ chức, hỗ trợ kết nối tới cộng đồng, tham gia phỏng vấn và cung cấp các thông tin cần thiết cho nghiên cứu. Và cuối cùng, chúng tôi cảm ơn tới các em học sinh tại các trường, các thanh niên, người thạo tin trong cộng đồng đã thực hiện khảo sát và trả lời phỏng vấn - không có sự tham gia của mọi người, nghiên cứu không thể đạt kết quả cuối cùng.

Những ý kiến được trình bày trong báo cáo sau đây là của nhóm nghiên cứu và không nhất thiết phản ánh quan điểm của các tổ chức, cá nhân đã hỗ trợ cho việc thực hiện nghiên cứu này.

Danh mục từ viết tắt

DTTS: Dân tộc Thiểu số

HS: Học sinh

GV: Giáo viên

MXH: Mạng xã hội

PTTH: Phổ thông trung học

PVS: Phòng vấn sâu

THCS: Trung học cơ sở

TLN: Thảo luận nhóm tập trung

Mục lục

0.	Danh mục từ viết tắt	03
	Mục lục	04
	Danh mục bảng và biểu đồ	06
1.	Tóm tắt nghiên cứu - phát hiện chính và những con số đáng lưu ý	07
2.	Giới thiệu	11
2.1	Bối cảnh chung về mua bán người và những nguy cơ trên không gian mạng ở Việt Nam	11
2.2	Nghiên cứu “Thanh thiếu niên dân tộc thiểu số và những rủi ro liên quan đến mua bán người trên mạng xã hội”	13
	Mục đích và câu hỏi nghiên cứu	13
3.	Phương pháp nghiên cứu	14
3.1	Thiết kế nghiên cứu	14
3.2	Đối tượng nghiên cứu	15
3.3	Địa bàn nghiên cứu	16
	Hà Giang	15
	Điện Biên	17
	Lào Cai	18
4.	Đạo đức nghiên cứu và bảo mật thông tin	20
	Tính tự nguyện	20
	Tính bảo mật	20
5.	Hạn chế	20
6.	Kết quả nghiên cứu	20
6.1	Đặc điểm mẫu nghiên cứu	22
6.1.1	Mẫu nghiên cứu định lượng	22
6.1.2	Mẫu nghiên cứu định tính	23
6.2	Tiếp cận và hành vi sử dụng Internet và mạng xã hội của thanh thiếu niên dân Tộc Thiểu Số	24
6.2.1	Sở hữu thiết bị công nghệ, tiếp cận Internet và Mạng xã hội	24
6.2.2	Mục đích sử dụng Internet và mạng xã hội	27
6.2.3	Mạng xã hội ưa thích của học sinh và thanh thiếu niên DTTS	31
6.2.4	Tham gia hội nhóm, cộng đồng trên MXH	33

Mục lục

6.2.5	Chia sẻ thông tin cá nhân và kết nối trên MXH	35
6.3	Rủi ro trên mạng xã hội và mối liên hệ đến mua bán người	39
6.3.1	Nguy cơ từ việc chia sẻ thông tin cá nhân trên MXH	39
6.3.2	Kết bạn trên MXH và hẹn gặp	40
6.3.3	Quấy rối, bắt nạt, lừa đảo môi giới việc làm và những liên hệ đến nguy cơ trở thành nạn nhân mua bán người	43
6.3.4	Cách thức tội phạm mua bán người tiếp cận, tạo niềm tin và lừa nạn nhân tiềm năng	46
6.4	Nhận thức, thái độ và trải nghiệm thực tế đối với những nguy cơ, rủi ro liên quan đến mua bán người tại địa phương	50
6.4.1	Hiểu biết về nguy cơ	50
6.4.2	Hiểu biết và định nghĩa không đồng nhất về “nạn nhân mua bán người”	54
6.4.3	Phòng ngừa rủi ro trên mxh của học sinh và thanh thiếu niên DTTS	56
	Giáo dục trong gia đình	56
	Nỗ lực của nhà trường và ban ngành tại địa phương	58
	Hành động của địa phương và trường học	60
	Tự đánh giá mức độ an toàn trên MXH và nhu cầu nâng cao kỹ năng an toàn trên MXH của thanh thiếu niên DTTS	62
6.5	Nhu cầu và khuyến nghị từ ban ngành và người dân địa phương	63
7.	Thảo luận và kết luận	64
7.1	Thảo luận về kết quả nghiên cứu	64
7.2	Một số khuyến nghị dựa trên kết quả nghiên cứu	66
7.2.1	Khuyến nghị về hoạt động nâng cao nhận thức và kỹ năng nhận biết, giảm thiểu rủi ro trên MXH cho học sinh và thanh thiếu niên DTTS	66
7.2.2	Khuyến nghị về hoạt động nâng cao nhận thức và kỹ năng nhận biết, giảm thiểu rủi ro trên MXH cho cha mẹ của học sinh và thanh thiếu niên DTTS, người dân cộng đồng	67
7.2.3	Khuyến nghị về hoạt động nâng cao năng lực cho giáo viên, cán bộ xã hội	67
7.2.4	Khuyến nghị về xây dựng bộ công cụ, hướng dẫn an toàn trên mạng xã hội	67

Danh mục bảng và biểu đồ

Bảng 1: Đặc điểm mẫu định lượng	22
Bảng 2: Mẫu nghiên cứu định tính	23
Bảng 3: Mục đích sử dụng internet và MXH theo giới tính	27
Bảng 4: Mục đích sử dụng Internet và MXH theo nhóm dân tộc	28
Bảng 5: Kết nối trên MXH theo giới tính	36
Bảng 6: Lý do quyết định gặp mặt bạn quen trên MXH theo giới tính	41
Bảng 7: Lý do quyết định gặp mặt bạn quen trên MXH theo nhóm dân tộc	41
Bảng 8: Chia sẻ với ai khi đi gặp bạn mới quen qua MXH theo giới tính	42
Bảng 9: Ứng xử khi không hài lòng với bạn mới quen trên MXH theo giới	42
Bảng 10: Nhận định về những người có thể là tội phạm mua bán người theo giới tính	53
Bảng 11: Hình thức quản lý, kiểm soát hoạt động trên mxh trong gia đình theo giới tính	56
Bảng 12: Hình thức kiểm soát, quản lý hoạt động trên mxh của học sinh bởi nhà trường	58
Bảng 13: Nhu cầu với kỹ năng an toàn trên MXH theo nhóm dân tộc	62
Biểu đồ 1: Tỷ lệ sở hữu thiết bị công nghệ có thể truy cập Internet	24
Biểu đồ 2: Tỷ lệ sở hữu điện thoại thông minh theo nhóm tuổi	24
Biểu đồ 3: Các hình thức truy cập Internet	26
Biểu đồ 4: Tỷ lệ sử dụng các MXH phổ biến	31
Biểu đồ 5: Tỷ lệ sử dụng các MXH theo giới tính	31
Biểu đồ 6: Tỷ lệ sử dụng MXH theo nhóm dân tộc	32
Biểu đồ 7: Tỷ lệ tham gia các nhóm hội, cộng đồng trên MXH theo giới tính	33
Biểu đồ 8: Tỷ lệ tham gia các nhóm hội, cộng đồng trên MXH theo nhóm dân tộc	34
Biểu đồ 9: Mức độ chia sẻ thông tin cá nhân trên mxh theo giới tính	35
Biểu đồ 10: Số kết nối/bạn bè trên MXH theo giới tính	37
Biểu đồ 11: Những tiêu chí để quyết định chấp nhận kết bạn mới trên MXH	38
Biểu đồ 12: Tỷ lệ đã từng hẹn gặp bạn mới quen trên MXH theo giới tính	40
Biểu đồ 13: Trải nghiệm với những rủi ro trên MXH	45

1. Tóm tắt nghiên cứu - phát hiện chính và những con số đáng lưu ý

Nghiên cứu “*Thanh thiếu niên dân tộc thiểu số và những rủi ro liên quan đến mua bán người trên mạng xã hội*” được thực hiện bởi Viện iSEE, Blue Dragon với sự hỗ trợ tài chính và kỹ thuật của SecDev vào đầu năm 2021 tại Điện Biên, Hà Giang (hiện là địa bàn hoạt động của Blue Dragon) và Lào Cai (chưa có hoạt động của Blue Dragon), với mục tiêu tìm hiểu về thực trạng sử dụng Mạng Xã Hội và các dịch vụ Internet của thanh thiếu niên Dân tộc Thiểu số cũng như những rủi ro họ gặp phải liên quan đến nạn mua bán người hiện nay, từ đó đưa ra khuyến nghị thiết thực cho các thông điệp và can thiệp truyền thông.

Nghiên cứu này được thiết kế kết hợp giữa một điều tra định lượng với 624 học sinh và thanh thiếu niên DTTS tại Hà Giang và Điện Biên (bao gồm 40.9% dân tộc Mông, 39.6% dân tộc Thái, còn lại gồm các dân tộc Khơ Mú, Dao, Tày, Giáy, vv.), và một nghiên cứu định tính dựa trên 14 TLN và 34 PVS trực tiếp với thanh thiếu niên, học sinh, giáo viên tại ba địa bàn nghiên cứu và cán bộ chương trình của Blue Dragon.

Một số kết quả nghiên cứu và con số đáng lưu ý bao gồm:

Hành vi sử dụng Internet và MXH của học sinh và thanh thiếu niên DTTS

~14 tuổi

bắt đầu sử dụng
điện thoại
thông minh

- Học sinh và thanh thiếu niên DTTS ngày nay tiếp cận đến Internet và MXH rất dễ dàng và phổ biến. Thông thường, họ bắt đầu sở hữu và sử dụng điện thoại thông minh vào khoảng 14 tuổi. Điện thoại thông minh cũng là phương tiện phổ biến nhất để thanh thiếu niên DTTS truy cập Internet và sử dụng MXH.
- 73.1% người tham gia hiện sở hữu điện thoại thông minh có thể truy cập internet, với nhóm trên 16 tuổi, tỷ lệ này lên tới 93.3%.
- Nhóm Mông có tỷ lệ sở hữu điện thoại thông minh thấp hơn cả (47%), trong khi nhóm dân tộc Thái có tỷ lệ sở hữu là 92.2%, và nhóm các dân tộc khác có tỷ lệ này là 89.2%.
- Trung bình mỗi ngày học sinh và thanh thiếu niên DTTS lên mạng khoảng 5 giờ 30 phút. Thời gian lên mạng mỗi ngày của nhóm nữ (gần 6 giờ) cao hơn so với nhóm nam (gần 5 giờ)
- Mục đích dùng Internet và MXH bao gồm: giải trí (77%), liên lạc với gia đình (74.8%), liên lạc với bạn bè (73.6%); tìm kiếm và cập nhật thông tin (62.4%); kết bạn (62.4%); cập nhật về đời sống của bạn bè (44.7%), chia sẻ trạng thái và hình ảnh của bản thân (38.2%), tìm người yêu (21.4%); tìm việc làm (9.9%), kinh doanh online (5.9%); và do sức ép đồng đẳng (10.6%)

Nhóm trên 16 tuổi

93.3%

sở hữu điện thoại
thông minh

1.

Hành vi sử dụng Internet và MXH của học sinh và thanh thiếu niên DTTS (tt.)

- Nhóm nữ sử dụng MXH với mục đích tìm kiếm thông tin, kết bạn, liên lạc với gia đình và bạn bè, và kinh doanh online cao hơn đáng kể so với nhóm nam. Trong khi nhóm nam lên mạng với mục đích tìm người yêu hoặc do sức ép đồng đẳng cao hơn đáng kể so với nhóm nữ.
- Nhóm dân tộc Thái và các nhóm dân tộc khác sử dụng MXH với mục đích tìm kiếm, cập nhật tin tức, giải trí và liên lạc với gia đình cao hơn đáng kể so với nhóm dân tộc Mông. Trong khi tỷ lệ nhóm dân tộc Mông sử dụng MXH với mục đích tìm việc cao hơn đáng kể so với hai nhóm còn lại.
- MXH ưa thích và phổ biến nhất với học sinh và thanh thiếu niên DTTS hiện nay bao gồm: Facebook (99.1%), Zalo (63.6%), TikTok (65.7%), Instagram (32.1%). Nữ sử dụng Zalo và Instagram nhiều hơn đáng kể so với nam. Không có khác biệt đáng kể về tỷ lệ sử dụng Facebook, Zalo giữa các nhóm dân tộc. Tỷ lệ sử dụng Instagram và Tiktok trong nhóm dân tộc Mông thấp hơn đáng kể so với hai nhóm còn lại.
- Nữ có xu hướng tham gia vào các hội nhóm, fanpage, cộng đồng theo sở thích nhiều hơn so với nhóm nam (53.1% so với 32.2%); trong khi nhóm nam tham gia vào các nhóm của trường lớp nhiều hơn đáng kể so với nhóm nữ (39.5% so với 24.5%).
- Nhóm dân tộc Mông (53.4%) tham gia vào các hội nhóm giải trí, hài hước ít hơn đáng kể so với nhóm Thái (78.9%) và nhóm khác (83.7%). Tuy nhiên, nhóm Mông là nhóm có tỷ lệ tham gia và theo dõi hội nhóm và trang chia sẻ thông tin về việc làm cao hơn cả (22.3%) khi so với hai nhóm còn lại (8.9% Thái, 16.3% khác).
- Tên thật (75.4%), giới tính (79.2%) và hình ảnh của bản thân (65.6%) là những thông tin được chia sẻ công khai phổ biến nhất trên MXH. Nữ công khai chia sẻ thông tin cá nhân như giới tính, trường học và hình ảnh của bản thân trên MXH nhiều hơn đáng kể so với nam.
- Trên MXH, nhóm nữ có tỷ lệ kết nối với người lạ, người bán hàng online, hay bạn quen qua mạng cao hơn đáng kể so với nhóm nam. Số kết nối (bạn bè) trung bình khoảng hơn 1500, trong đó nhóm nữ có số bạn bè trên MXH trung bình là khoảng hơn 1700, cao hơn hẳn so với nhóm nam có số bạn trên MXH trung bình khoảng hơn 1300.
- Thanh thiếu niên DTTS có xu hướng chấp nhận kết bạn trên MXH với những tài khoản của bạn bè quen biết từ trước, có nhiều bạn chung, những tài khoản trông đáng tin cậy (không giống tài khoản giả mạo), hoặc đăng nhiều nội dung vui vẻ, hài hước, và những người cùng dân tộc, sống cùng địa bàn. Tuy nhiên những tiêu chí này là không nhất thiết, được tuân thủ theo cảm tính và tùy hứng.

Nhóm nữ

53.1%

tham gia hội nhóm, cộng đồng theo sở thích

Nhóm Mông

22.3%

theo dõi trang chia sẻ thông tin việc làm

~1500

Số kết nối (bạn bè) trung bình

1.

Nguy cơ trên MXH

- Công khai thông tin cá nhân dẫn đến việc bị gọi điện hoặc nhắn tin làm phiền hoặc nguy cơ trở thành nạn nhân của lừa đảo trên mạng.

62.7%

từng hẹn gặp bạn
quen qua MXH
ở bên ngoài

- Việc làm quen bạn mới và gặp mặt bạn mới quen qua MXH khá phổ biến và được khuyến khích, ủng hộ trong quan điểm chung của học sinh và thanh thiếu niên DTTS, không bị coi là điều đáng e ngại. 62.7% cho biết họ từng hẹn gặp một hoặc nhiều người bạn quen qua MXH ở bên ngoài.

- Nhóm dân tộc Thái có tỷ lệ đã từng hẹn gặp với người quen qua MXH cao nhất (68.1%), tiếp đến là nhóm dân tộc Mông (62.7%), rồi đến các dân tộc khác (55%).

3.4%

từng bị đe dọa,
ép gặp mặt bạn
quen qua MXH

- Quyết định hẹn gặp khi thấy tin tưởng (46.6%) hoặc đơn giản vì thấy tò mò (41%). 30.9% không cân nhắc hay suy nghĩ gì nhiều khi quyết định hẹn gặp, chỉ vì họ cảm thấy thích thú với việc làm quen và gặp gỡ bạn mới. 10.7% quyết định hẹn vì lời mời của người bạn mới hấp dẫn với họ.

- Đáng lưu ý, có 3.4% cho biết họ bị đe dọa, bị ép gặp mặt bởi bạn mới quen qua MXH. 12.9% (16.3% nam, 8.2% nữ) cho biết không chia sẻ, kể với một ai về việc hẹn gặp bạn trên MXH.

- 2.9% số người dùng MXH cho biết họ không biết nên làm gì, xử trí ra sao khi cảm thấy không hài lòng hay khó chịu sau khi kết nối và trò chuyện với một người bạn mới trên MXH.

30.7%

bị người quen trên
MXH yêu cầu gửi
hình ảnh nhạy cảm

- 66.8% người dùng MXH cho biết họ đã từng được bạn mới quen trên mạng tỏ tình, ngỏ ý làm người yêu (61.5% nam, 73.4% nữ). 43.5% đã từng được mời/rủ gặp gỡ bên ngoài (38% nam, 50.3% nữ). Với cả hai loại trải nghiệm này, nhóm nữ cho biết họ trải nghiệm thường xuyên hơn đáng kể so với nhóm nam.

- Có đến 30.7% cho biết đã từng bị người mới quen trên MXH yêu cầu gửi hình ảnh nhạy cảm, riêng tư, trong số này 7.1% cho biết thường xuyên nhận được những lời yêu cầu như vậy. Đáng lưu ý hơn, có 7.8% cho biết đã từng bị dụ dỗ quan hệ tình dục bởi người mới quen qua MXH.

- 24% người sử dụng MXH đã từng nhận được lời mời, giới thiệu việc làm.

Phòng ngừa Nguy Cơ, Rủi Ro Liên Quan Đến Mua bán người

- Nhìn chung, trẻ em gái, nữ thanh thiếu niên, phụ nữ, và những người có hoàn cảnh kinh tế khó khăn thường được coi có nguy cơ cao hơn trở thành nạn nhân của mua bán người.

- Cách hiểu và định nghĩa về “nạn nhân của mua bán người” còn mù mờ, không thống nhất trong các nhóm đối tượng nghiên cứu.

1.

Phòng ngừa Nguy Cơ, Rủi Ro Liên Quan Đến Mua bán người (tt.)

13.2%

không chắc mình
có hay không
an toàn trên mạng

- Rất nhiều rủi ro liên quan đến lừa tiền, lừa tình cảm, bóc lột sức lao động, hoặc mua bán người đến từ các mối quan hệ quen biết, họ hàng, hoặc bạn bè, những người dễ dàng có được niềm tin từ nạn nhân tiềm năng.
- 13.2% nhóm người sử dụng MXH cho biết họ không chắc, không biết thật sự mình có an toàn hay không an toàn trên mạng. 21.4% tự tin vào sự an toàn của mình trên MXH, và 10.7% cho rằng mình không an toàn trên mạng.

10.1%

cha mẹ không
cho phép sử dụng
điện thoại

- Ở nhà, hình thức cha mẹ kiểm soát, quản lý hoạt động trên Internet và MXH của con cái phổ biến được ghi nhận là hạn chế thời gian cho phép sử dụng điện thoại hoặc lên mạng của con (65.7%); không cho phép sử dụng điện thoại (10.1%); cha mẹ kết bạn với con trên MXH để theo dõi hoạt động của con (14.9%), hoặc ra quy định về hạn chế nội dung con cái được đăng tải lên MXH (13%). Trên thực tế, chỉ có 29.7% học sinh và thanh thiếu niên cho biết họ mong muốn việc sử dụng MXH được cha mẹ biết và quản lý.
- Tại trường học, 45.8% học sinh cho biết nhà trường cấm hoặc hạn chế sử dụng điện thoại trong khuôn khổ nhà trường hoặc trong giờ lên lớp; 29.6% cho biết nhà trường hoặc giáo viên quy định về nội dung mà học sinh được phép hoặc không được phép đăng tải lên MXH. 13.8% cho biết giáo viên của họ kết nối với học sinh trên MXH để biết được hoạt động của học sinh. Chỉ có 13% cho biết họ muốn giáo viên và nhà trường quản lý hoạt động của học sinh trên MXH.
- Những nỗ lực cụ thể liên quan đến phòng ngừa nguy cơ với mua bán người được triển khai ở trường học và tại địa phương thường tập trung vào hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức cho học sinh, thanh thiếu niên và người dân, tuy nhiên nội dung tuyên truyền còn chung chung, thường là chủ đề lồng ghép, đi kèm trong những chương trình hành động khác của trường hoặc địa phương.

2.

Giới thiệu

2.1

Bối cảnh chung về mua bán người và những nguy cơ trên không gian mạng ở Việt Nam

Những năm gần đây, nạn mua bán người ngày càng được nhận thức và quan tâm hơn. Nhiều nghiên cứu và các chương trình hỗ trợ xã hội quốc tế đã chỉ ra một số liên hệ chặt chẽ giữa sự phát triển của mạng xã hội, Internet và cách thức vận hành của các mạng lưới mua bán người. Cụ thể là, thông qua Internet và các mạng xã hội, tội phạm mua bán người có thể dễ dàng và nhanh chóng tiếp cận đến những thanh thiếu niên thuộc nhóm dễ rủi ro, kết bạn, tạo dựng lòng tin, nắm bắt điểm yếu và tổn thương của họ, để từ đó lừa gạt họ trở thành nạn nhân của mua bán người. Nạn nhân của mua bán người thường là những người thuộc nhóm yếu thế, ví dụ như trẻ em, người nghèo, phụ nữ, v.v., họ thường được coi là người ít tự tin, ít được thấu hiểu, và dễ bị tổn thương. Trên Internet và MXH, tội phạm buôn người có thể cùng lúc tiếp cận đến nhiều nạn nhân tiềm năng ở nhiều địa điểm khác nhau, dễ dàng mở rộng tầm ảnh hưởng, thị trường, và nạn nhân tiềm năng của chúng.

Bên cạnh đó, MXH và Internet cũng như các công nghệ kết nối xã hội khác đã và đang là những thế lực mạnh mẽ, mang lại tác động tích cực đến đời sống của thanh thiếu niên. Công nghệ giúp cho thanh thiếu niên dễ dàng kết nối với nhau cũng như kết nối đến các nhà cung cấp dịch vụ. Thông qua mạng xã hội và các dịch vụ Internet, người trẻ có cơ hội thể hiện bản thân, tạo dựng các mối quan hệ cộng đồng, phát triển những mạng lưới liên kết dựa trên các quan hệ đồng đẳng, niềm tin, hay cộng đồng. Công nghệ cũng có thể được áp dụng trong thực thi pháp luật nhằm giải cứu và hỗ trợ nạn nhân của mua bán người, cũng như hỗ trợ các nhà cung cấp dịch vụ trong việc nâng cao nhận thức về vấn đề và cung cấp thông tin hỗ trợ cho nạn nhân. (Ohio Anti-Trafficking Professional, 2018)¹

Ở Việt Nam, những năm trở lại đây đã có nhiều phóng sự, bài báo ghi nhận và đưa tin về các vụ việc mua bán người, tuy nhiên chưa có nhiều nghiên cứu chuyên sâu tìm hiểu và những mô tả chi tiết về tình hình hiện nay của vấn đề. Rất khó để đưa thống kê chính xác về các vụ mua bán người và số lượng nạn nhân do các nguồn số liệu đưa ra các con số khác nhau². Theo một số tổng hợp từ báo chí, năm 2013-2019, Việt Nam có 3.476 người là nạn nhân của các vụ mua bán người, trong đó chủ yếu là phụ nữ và trẻ em (trên 90%), đa số là người dân tộc thiểu số. Qua điều tra 1.232 vụ mua bán người, Bộ Công an đã xác định nạn nhân mua bán người thường tập trung ở những vùng nông thôn, nhất là vùng sâu vùng xa, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, người dân chỉ làm ruộng hoặc không có việc làm, gặp những chuyện éo le về gia đình, tình cảm, trình độ học vấn thấp. Đặc biệt, tình trạng mua bán trẻ em, nhất là học sinh các trường dân tộc nội trú diễn biến phức tạp. Bên cạnh đó, hình thức mua bán người thông qua hoạt động môi giới đưa người Việt Nam ra nước ngoài lao động trái phép

¹ Buôn bán người và Công nghệ: Khung khái niệm về vai trò của công nghệ đối với nạn bóc lột tình dục trẻ em ở Hoa Kỳ. *Human Trafficking and Technology: A Framework for Understanding the Role of Technology in the Commercial Sexual Exploitation of Children in the U.S.* <http://research.microsoft.com/en-us/collaboration/focus/education/htframework-2011.pdf>

² Hồ Sơ Di cư Việt Nam 2016, Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại Giao, 2016.

2.

2.1

cũng phổ biến. Khi ra nước ngoài, những đối tượng buôn người này thường thu giữ giấy tờ tùy thân để cưỡng bức lao động, quỵt tiền lương hoặc báo cơ quan chức năng để trục xuất nạn nhân về nước.³

Cũng theo tổng hợp từ báo chí, những đường dây mua bán người thường có sự cấu kết, phân công chặt chẽ giữa các đối tượng người nước ngoài, chủ yếu là Đài Loan (Trung Quốc), Hàn Quốc, Malaysia, Singapore, Trung Quốc, v.v. với các đối tượng người Việt Nam nhằm lừa phụ nữ ra nước ngoài dưới dạng môi giới hôn nhân trái phép. Để tránh bị các cơ quan chức năng phát hiện, các đối tượng không tổ chức đưa đàn ông nước ngoài về Việt Nam mà thông qua mạng xã hội như Zalo, Facebook, Wechat, v.v. tổ chức các buổi xem mặt chọn vợ. Sau khi chọn được vợ thì làm thủ tục đưa phụ nữ Việt Nam xuất cảnh ra nước ngoài để bán (dưới hình thức du lịch). Sau đó, chúng tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn ở nước ngoài rồi mới quay về Việt Nam nộp hồ sơ xin ghi chú kết hôn.⁴

Nhiều trường hợp được ghi nhận rằng tội phạm buôn người thường tìm kiếm và liên hệ đến nạn nhân thông qua các kênh mạng xã hội (lừa đảo thông qua kết bạn trên mạng, tìm người yêu trên mạng, hoặc tuyển dụng lao động trên mạng). Tuy nhiên, chưa có nhiều nghiên cứu hay thống kê cụ thể về mức độ phổ biến của hiện tượng này, đo lường mức độ nguy cơ và hiểu biết của thanh thiếu niên, đặc biệt là thanh thiếu niên dân tộc thiểu số, trong việc phát hiện rủi ro cũng như kỹ năng ứng phó với những rủi ro mua bán người thông qua MXH và các không gian mạng khác.

Hiện nay, mạng xã hội và các dịch vụ trò chuyện trực tuyến đang rất phổ biến trong các cộng đồng thanh thiếu niên người DTTS, và rất có thể họ đang đối mặt với rủi ro trở thành mục tiêu của tội phạm hay các tổ chức, mạng lưới mua bán người. Theo tổng hợp của tổ chức Blue Dragon dựa trên 102 hồ sơ vụ án với 199 nạn nhân và 236 tội phạm buôn người, có đến 34% (67 trường hợp) bị bán bởi một người mới gặp lần đầu thông qua mạng Internet, trong số này có 50 người là người DTTS. Nhìn chung, thanh thiếu niên DTTS, cha mẹ, gia đình cũng như cộng đồng của họ chưa thật sự được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng để giảm và tránh những rủi ro này.

³ Gần 3.500 người Việt Nam là nạn nhân của mua bán người, Báo Điện Tử ĐCSVN <http://dangcongsan.vn/nong-trong-ngay/gan-3.500-nguoi-viet-nam-la-nan-nhan-cua-buon-ban-nguoi-543872.html>

⁴ Việt Nam vẫn là điểm nóng của tình trạng buôn người, Báo Điện tử Tiền Phong <https://www.tienphong.vn/the-gioi/viet-nam-van-la-diem-nong-cua-tinh-trang-buon-nguoi-1489051.tpo>

Nghiên cứu “Thanh thiếu niên dân tộc thiểu số và những rủi ro liên quan đến mua bán người trên mạng xã hội”

Nghiên cứu này như một nỗ lực ban đầu nhằm mang lại hiểu biết, thông tin về những vấn đề thực tại, những rủi ro cụ thể mà thanh thiếu niên DTTS ở Việt Nam đang đối mặt trên các không gian mạng xã hội; từ đó đưa ra giải pháp, khuyến nghị thiết thực cho thiết kế hoạt động truyền thông và can thiệp giúp giảm thiểu rủi ro liên quan đến việc sử dụng mạng xã hội của thanh thiếu niên DTTS và nguy cơ trở thành nạn nhân của các mạng lưới mua bán người.

Mục đích và câu hỏi nghiên cứu

Nhằm mang lại một tổng quan về hiện trạng sử dụng MXH và Internet của thanh thiếu niên DTTS cũng như những rủi ro liên quan đến mua bán người, từ đó đưa ra những khuyến nghị thiết thực cho các hoạt động can thiệp và truyền thông, gợi ý những thông điệp cụ thể nhằm nâng cao hiểu biết và giảm thiểu rủi ro trên các không gian mạng cho thanh thiếu niên DTTS, nghiên cứu này tập trung trả lời những câu hỏi cụ thể sau:

- Thói quen sử dụng Internet và MXH của thanh thiếu niên DTTS và mối liên hệ đến những nguy cơ liên quan đến mua bán người hiện nay như thế nào?
- Hiện đang có những hoạt động can thiệp gì từ các cấp chính quyền, ban ngành, trường học ở địa phương nhằm bảo vệ cho nạn nhân hoặc người có nguy cơ trở thành nạn nhân của mua bán người trên MXH?
- Hiểu biết và thực tế trải nghiệm của thanh thiếu niên DTTS đối với các nguy cơ liên quan đến mua bán người thông qua MXH như thế nào?
- Nhu cầu của thanh thiếu niên DTTS đối với nâng cao hiểu biết, kỹ năng sử dụng MXH và Internet nhằm giảm thiểu rủi ro liên quan đến mua bán người, cũng như những hỗ trợ cần thiết về cơ chế thông báo, hỗ trợ nạn nhân.
- Những gợi ý thích hợp về nội dung và phương pháp truyền thông hiệu quả nhằm giảm thiểu rủi ro liên quan đến mua bán người và an toàn trên không gian mạng cho thanh thiếu niên DTTS. Những khác biệt văn hoá giữa các nhóm dân tộc cần lưu ý khi thiết kế và triển khai hoạt động truyền thông.

3.

Phương pháp nghiên cứu

3.1

Thiết kế nghiên cứu

Với mục tiêu vừa tìm hiểu quan điểm, ý kiến và câu chuyện thực tế, vừa đo lường và so sánh tần suất, mức độ phổ biến của các hiện tượng, nguy cơ, rủi ro mà thanh thiếu niên DTTS đang đối mặt, nghiên cứu sử dụng kết hợp hai phương pháp tiếp cận định lượng và định tính. Những phương pháp cụ thể được áp dụng như sau:

- **Nghiên cứu định lượng:** Điều tra định lượng dưới hình thức bảng khảo sát tự điền, khuyết danh được thực hiện trực tiếp với đối tượng nghiên cứu là thanh niên dân tộc thiểu số tại Việt Nam, cụ thể là học sinh tại các trường THCS, PTH và thanh thiếu niên tại cộng đồng các xã tham gia nghiên cứu.
- **Nghiên cứu định tính:** Nhằm mang lại thông tin chiều sâu, câu chuyện chia sẻ, những quan điểm cũng như những khuyến nghị, nhu cầu của các nhóm đối tượng nghiên cứu, thông tin phục vụ nghiên cứu định tính được thu thập thông qua các Phỏng vấn sâu (PVS) và Thảo luận nhóm (TLN) trực tiếp với người tham gia nghiên cứu.

Bên cạnh hai nguồn dữ liệu thực địa kể trên, nghiên cứu đồng thời sẽ tiến hành thu thập và phân tích các nguồn tư liệu có sẵn (nghiên cứu, tư liệu ghi chép từ các chương trình hỗ trợ, bài đăng chia sẻ trên các báo chí trang mạng/ forum/ hội nhóm, các báo cáo tổng kết hoạt động kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương, báo cáo hoạt động năm học của các trường tham gia nghiên cứu) để sử dụng như nguồn tư liệu bổ sung cho các phát hiện nghiên cứu.

Hình:

Trò chơi khởi động trước thảo luận nhóm với thanh thiếu niên cộng đồng - Lào Cai



Đối tượng nghiên cứu

- Thanh thiếu niên DTTS tại các trường THCS, THPT và cộng đồng tham gia nghiên cứu
- Lãnh đạo địa phương, cán bộ chuyên trách tại địa phương về bảo vệ trẻ em, phụ nữ, an ninh
- Người am hiểu thông tin (già làng, người cao tuổi/có kiến thức, hiểu biết sâu về cộng đồng địa bàn nghiên cứu)
- Cán bộ chương trình, nhà công tác xã hội công tác tại các tổ chức cứu trợ/hỗ trợ nạn nhân mua bán người

Địa bàn nghiên cứu

Hà Giang, Điện Biên và Lào Cai là ba tỉnh được lựa chọn là địa bàn nghiên cứu, dựa trên thống nhất giữa các tổ chức tham gia triển khai nghiên cứu theo tiêu chí: là địa bàn giáp ranh, có nhiều người di cư, đi lao động ở nơi khác (cả trong và ngoài nước), có trường hợp được ghi nhận là nạn nhân của các hình thức lừa đảo, buôn người, đồng thời nhóm nghiên cứu có thể tiếp cận, được sự hỗ trợ của địa phương để triển khai nghiên cứu. Tại mỗi tỉnh, nghiên cứu thực địa được tiến hành tại một huyện, mỗi huyện tại hai xã. Bên cạnh mẫu nghiên cứu được lựa chọn trong cộng đồng, tại mỗi tỉnh, nghiên cứu được triển khai với học sinh và giáo viên tại một trường THCS và một trường PTTH.

Hà Giang

Hà Giang là một tỉnh miền núi biên giới ở cực bắc của Tổ quốc, Phía bắc và tây có đường biên giới giáp với nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa dài 274 km; phía đông giáp tỉnh Cao Bằng; phía nam giáp tỉnh Tuyên Quang; phía tây và tây nam giáp tỉnh Lào Cai và Yên Bái. Hà Giang nằm trong khu vực địa bàn vùng núi cao phía bắc lãnh thổ Việt Nam, Hà Giang là một quần thể núi non hùng vĩ, địa hình hiểm trở với nhiều núi đá cao và sông suối. Hà Giang là nơi sinh sống của nhiều đồng bào dân tộc, trong đó dân tộc Mông chiếm 32,9% tổng dân số toàn tỉnh, Tày (23,2%), Dao (14,9%), Việt (12,8%), Nùng (9,7%),...

Hà Giang là tỉnh có tài nguyên đa dạng, có điều kiện phát triển công nghiệp khai khoáng, phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến nông, lâm sản. Bên cạnh đó Hà Giang có điều kiện khí hậu tốt và nhiều cảnh đẹp, suối nước nóng,... để phát triển du lịch quá cảnh. Tuy nhiên, đến nay những điều kiện trên chưa được thật sự khai thác có hiệu quả, và Hà Giang vẫn được đánh giá kinh tế tương đối kém phát triển.

Với địa bàn Hà Giang, nghiên cứu được thực hiện tại hai xã Giàng Chu Phìn và Khâu Vai, trường THPT Mèo Vạc và THCS Khâu Vai. Đây cũng là địa bàn hoạt động hiện nay của Blue Dragon.

Xã Giàng Chu Phìn: Cộng đồng dân cư tập trung chủ yếu là người Mông (khoảng 98%), bên cạnh đó là các nhóm dân tộc Kinh, Giáy, La Chí. Hoạt động kinh tế chủ yếu phụ thuộc vào cây ngô, bên cạnh đó một số hộ dân trồng lúa nước, hoa mầu, và chăn nuôi bò, gà, vịt tự cung tự cấp. Khoảng 60 – 70% thanh thiếu niên hoàn thành trung học cơ sở, tỷ lệ hoàn thành trung học phổ thông rất nhỏ (khoảng 10%). Sau khi học xong hoặc nghỉ học, thanh thiếu niên chủ yếu đi lao động tại các công ty trong và ngoài nước, một số thanh niên xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc để lao động không hợp pháp (Theo PVS cán bộ xã).

Xã Khâu Vai: Cộng đồng Khâu Vai bao gồm mười một nhóm dân tộc, trong đó dân tộc Mông chiếm là phần lớn (khoảng 90%), bên cạnh đó là người Giáy, Nùng và Dao; dân cư phân bố rải rác, không tập trung. Hoạt động kinh tế có sự cũng khác nhau một chút, như cơ bản giữa các nhóm dân tộc: người Mông thường kinh tế chính sẽ là trồng trọt (cây ngô và chăn nuôi lợn), trong khi người Nùng và người Dao sinh sống ở khu vực gần nước hơn, tập trung chủ yếu vào hoạt động trồng lúa nước. Đa phần các gia đình cho con em học đến lớp chín (hoàn thành trung học cơ sở), tỷ lệ học lên cấp phổ thông trung học là không cao. Tình trạng thanh thiếu niên nghỉ học và kết hôn sớm tại địa bàn cũng còn khá phổ biến. (Theo PVS cán bộ xã)

THCS Khâu Vai: Trường có 438 học sinh, trong đó khoảng 140 nữ, đa số học sinh là người dân tộc Mông, còn lại thuộc các nhóm dân tộc khác trong địa bàn. Tỷ lệ học sinh nữ đầu vào lớp đông hơn, tuy nhiên tỷ lệ này giảm dần do các em nghỉ học hoặc lấy chồng. Có hơn 300 học sinh bán trú, ăn và ở tại trường; số còn lại do nhà gần (khoảng dưới 4km) thì không ở bán trú tại trường. Hoạt động giải trí chủ yếu của học sinh THCS Khâu Vai bao gồm những trò chơi dân gian (đi cà kheo này, nhảy dây, chơi sinh, v.v.) được các thầy cô hướng dẫn và tổ chức. Do còn ở độ tuổi khá nhỏ nên việc các em học sinh tự đi chơi bên ngoài còn chưa phổ biến. (theo PVS Giáo viên)

THPT Mèo Vạc: Trường có hơn 600 học sinh, đa phần thuộc dân tộc Mông, bên cạnh đó là các nhóm dân tộc Giáy, Nùng, Dao, và một số ít thuộc nhóm Lô Lô. Tỷ lệ học sinh nữ thấp hơn đáng kể so với học sinh nam do nhiều gia đình không muốn cho con gái đi học, hoặc vì lý do kinh tế nên nhiều em kết hôn sớm phải nghỉ học. Nhiều học sinh trong trường là con em của hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo tại địa phương. Hầu hết học sinh đến từ các địa bàn xã khá xa trường, các em thường thuê trọ chung với nhau tại các khu trọ gần trường, một số học sinh hoàn cảnh khó khăn được nhà trường tạo điều kiện ở ký túc tại trường. Nhà trường thường tổ chức các hoạt động sinh hoạt Đoàn, tình nguyện (chăm sóc cảnh quan, vệ sinh đường phố, nghĩa trang liệt sĩ), văn nghệ, thể thao để học sinh có thể tham gia, giải trí. Nhà trường có trang bị hệ thống wifi và học sinh có thể truy cập để sử dụng Internet. (theo PVS Giáo viên)

Điện Biên là một tỉnh biên giới miền núi thuộc vùng Tây Bắc của Tổ quốc. Phía Đông và Đông Bắc giáp tỉnh Sơn La, phía Bắc giáp tỉnh Lai Châu, phía Tây Bắc giáp tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), phía Tây và Tây Nam giáp CHDCND Lào. Là tỉnh duy nhất có chung đường biên giới với 2 quốc gia Lào và Trung hơn 455 km. Địa hình chủ yếu ở Điện Biên là đồi núi dốc, hiểm trở và chia cắt mạnh. Xen lẫn các dãy núi cao là các thung lũng, sông suối nhỏ hẹp và dốc. Điện Biên là nơi hội tụ sinh sống của 19 dân tộc anh em (Thái; Mông; Kinh; Dao; Khơ Mú; Hà Nhì; Lào; Hoa (Hán); Kháng; Mường; Cống; Xi Mun; Si La; Nùng; Phù Lá; Thổ; Tày; Sán Chay và dân tộc khác). Kinh tế Điện Biên thuộc nhóm trung bình, Điện Biên là một trong những tỉnh gặp khó khăn, do địa hình đồi núi chia cắt nên nông nghiệp không phải là thế mạnh của Điện Biên, Điện Biên hiện nay đang chú trọng vào công nghiệp và du lịch.

Tại tỉnh Điện Biên, nghiên cứu được tiến hành tại xã Mùn Chung (trường PT-DTBT THCS Mùn Chung) của huyện Tuần Giáo và xã Xuân Lao (trường THPT Búng Lao) tại huyện Mường Ảng. Đại đa số người dân ở cả hai khu vực trên là người Thái, người Mông và người Khơ Mú. Quá trình phỏng vấn nghiên cứu diễn ra với phần đông các em học sinh là người dân tộc Thái và Mông. Ở cả hai địa phương trên, nông nghiệp vẫn là ngành nghề chủ đạo tạo công ăn việc làm cho lao động. Đây cũng là địa bàn hoạt động hiện nay của Blue Dragon .

Xã Mùn Chung là một xã thuộc huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên, là nơi sinh sống của bốn nhóm dân tộc chủ yếu là Thái, Mông, Khơ Mú và Kinh, với các hoạt động nông nghiệp chính vẫn là trồng lúa, ngô, cây công nghiệp ngắn ngày như đậu xanh, lạc cùng các đàn gia súc nhỏ lẻ. Hoạt động công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp manh mún, chủ yếu là các ngành như xay xát, dệt vải, đồ thổ cẩm. Cơ hội việc làm cho thanh thiếu niên hạn chế. Tại đây, đến nay vẫn còn phổ biến hiện tượng học sinh, cả nam và nữ, chỉ học đến hết THCS thì nghỉ học để đi làm. Do đặc thù trong địa bàn Tỉnh không có nhiều công ty, đa phần thanh thiếu niên tại đây tìm kiếm việc làm tại các tỉnh thành như Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Phòng, Hải Dương. (theo PVS Cán bộ Xã)

Trường THCS Mùn Chung: có khoảng gần 500 học sinh, chủ yếu từ xã Mùn Chung, có tỷ lệ học sinh nam nữ khá tương đồng. Gần 200 học sinh thuộc các bản xa trường hiện sống tại khu nội trú, số còn lại thuộc các bản không có chế độ bán trú hoặc thuê trọ gần trường hoặc đi về mỗi ngày. Học sinh nội trú được quản lý toàn thời gian bởi giáo viên trong trường. Theo ghi nhận của giáo viên trường PT-DTBT THCS Mùn Chung, trong trường không ghi nhận các trường hợp học sinh là nạn nhân của buôn người. Tỷ lệ bỏ học thấp, giảm dần trong các năm gần đây. Báo cáo giáo dục của nhà trường cho biết, nguyên nhân chính của việc học sinh nghỉ học là do gia đình thiếu quan tâm, đời sống kinh tế khó khăn.

Xã Xuân Lao thuộc huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Người dân xã Xuân Lao cũng chủ yếu là nông nghiệp, ruộng nương. Ngay nay, đa phần thanh niên đi làm thuê, làm xa, gửi con lại cho ông bà trông coi. Thông thường, thanh niên Xuân Lao tìm kiếm việc làm tại các công ty ở Bắc Ninh, Hải Phòng, một số đi làm thợ xây ở Hà Nội dưới Hà Nội. Họ thường đi làm xa trong khoảng thời gian ngắn,

khoảng 2 đến 3 tháng, hoặc về quê mỗi dịp lễ tết (theo PVS cán bộ xã). Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn xã vào khoảng 16%, thu nhập bình quân đạt 33 triệu đồng/người/năm. Hệ thống hạ tầng trong xã được đầu tư xây dựng nâng cấp với 100% đường liên bản đã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa.

PTTH Búng Lao: Gồm 735 học sinh, trong đó hơn 60% là nam. Hơn 80% học sinh là người dân tộc Thái, còn lại thuộc các nhóm dân tộc Mông và Khơ Mú. Trường có địa bàn tuyển sinh khá rộng, bao gồm học sinh thuộc các xã của huyện Mường Ảng này, huyện Tuần Giáo, thậm chí có cả học sinh từ Sơn La đến học. Có hơn 300 học sinh hiện ở nội trú tại trường. Theo báo cáo của trường THPT Búng Lao, số lượng học sinh bỏ học trong năm 2019-2020 là 16/591, chiếm 2,7%. Theo nhận định của các giáo viên, các em học sinh người Mông nghỉ học thường vì lý do lập gia đình, giúp đỡ gia đình làm nông nghiệp; trong khi các em học sinh người Thái thường nghỉ học vì lý do di cư tìm kiếm việc làm.

Lào Cai

Lào Cai là một tỉnh miền núi nằm ở phía Bắc Việt Nam. phía Bắc giáp tỉnh Vân Nam - Trung Quốc; phía Nam giáp tỉnh Yên Bái; phía Đông giáp tỉnh Hà Giang; phía Tây giáp tỉnh Lai Châu. Địa hình tỉnh Lào Cai đặc trưng là núi cao xen kẽ với đồi núi thấp, bị chia cắt lớn, với phần thung lũng dọc sông Hồng. Dân tộc Kinh (33,8% dân số toàn tỉnh) còn lại các dân tộc khác có 483.664 người, chiếm 66,2% dân số toàn tỉnh gồm Tày, Dao, Giáy, Nùng còn lại là các dân tộc đặc biệt ít người Phù Lá, Sán Chay, Hà Nhì, La Chí... Lào Cai có vị trí địa lý thuận lợi, nơi có hai con sông Hồng và sông Chảy, có cửa khẩu quốc tế Lào Cai và có nhiều tiềm năng khác thuận lợi cho việc phát triển kinh tế đối ngoại và du lịch. Lào Cai nổi tiếng với khu du lịch Sa Pa, giàu tài nguyên khoáng sản và nguồn tài nguyên rừng rất phong phú và đa dạng, là cơ sở để phát triển công nghiệp chế biến nông - lâm sản.

Tại Lào Cai, nghiên cứu được lựa chọn thực hiện tại Sapa - thị trấn du lịch lâu năm, nơi rất nhiều người dân tộc thiểu số tại tham gia ngành dịch vụ du lịch từ khi là một đứa trẻ. Cụ thể, phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm được diễn ra tại Doanh nghiệp Xã hội Sapa O Châu và một thôn thuộc phường Hàm Rồng.

Doanh nghiệp Xã hội Sapa O Châu: Sapa O Châu là doanh nghiệp xã hội được thành lập bởi chị Tần Thị Su - 1 nữ doanh nhân người Mông. Sapa O Châu đặt trụ sở tại thị trấn Sapa, tỉnh Lào Cai. Mục đích của Sapa O Châu là phát triển cộng đồng dân tộc thiểu số thông qua giáo dục và đào tạo các thủ lĩnh trẻ. Hiện tại, Sapa O Châu là nơi lưu trú và học tập của 28 thanh niên có độ tuổi từ 15 - 22 tuổi. Thanh niên sống tại Sapa O Châu bao gồm học sinh cấp 3 có quê tại các xã thuộc thị xã Sapa và các thanh niên đến từ các tỉnh khác nhau của miền núi phía Bắc. Sapa O Châu đào tạo ngoại ngữ và các kỹ năng làm phục vụ khách sạn cho thanh niên dân tộc thiểu số. Hiện nay, học viên của Sapa O Châu đến từ các dân tộc Mông, Dao, Tày, Mường, Hoa.

Phường Hàm Rồng: Nghiên cứu được thực hiện tại một thôn thuộc Phường Hàm Rồng. Tại thôn này không có trường hợp trẻ em gái và phụ nữ được ghi nhận là nạn nhân của mua bán người. Người dân trong thôn ít đi làm xa (bên ngoài thị xã), chủ yếu làm ruộng, nương, hoặc đi làm thuê trong các khách sạn, nhà hàng tại thị xã Sa Pa. Ngoài ra, có một số hộ gia đình người Kinh đến buôn bán, làm du lịch và sinh sống tại thôn. Tại thôn có tu viện cổ bỏ hoang từ thời Pháp, là điểm du lịch thu hút khách, phụ nữ và trẻ em trong thôn thường ngồi cạnh đường ô tô qua lại để bán các nông sản địa phương (rau sạch, hoa quả) cho khách.

Hệ thống dây mạng internet đã được kéo đến thôn, tuy nhiên chỉ có các hộ gia đình người Kinh đến kinh doanh homestay, buôn bán lắp mạng. Các gia đình người Mông có nhu cầu sử dụng mạng internet ít hơn (phần lớn làm nông nghiệp) thường sử dụng mạng 3g. Đôi khi, các trẻ em trong thôn vẫn ngồi ở các khu vực thuận tiện bắt nhờ wifi từ các gia đình người Kinh để sử dụng.

4. Đạo đức nghiên cứu và bảo mật thông tin

Tính tự nguyện

Tất cả người tham gia trong nghiên cứu đều hoàn toàn tự nguyện, không chịu bất kỳ tác động nào từ bên ngoài hay từ nhóm nghiên cứu. Phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm, và bảng hỏi tự điền chỉ được tiến hành sau khi nhận được sự đồng thuận của người tham gia. Người tham gia được giới thiệu, hướng dẫn cụ thể về mục đích, nội dung và cách thức trả lời phỏng vấn trước khi bắt đầu, họ có thể từ chối trả lời bất kỳ câu hỏi nào mà họ không muốn, có thể dừng cuộc phỏng vấn mà không chịu bất cứ sự ràng buộc nào và không phải chịu trách nhiệm gì về mặt pháp lý. Mọi hình thức lưu trữ như ghi chép, bản ghi âm đều được sự đồng ý của đối tượng phỏng vấn, và được tiến hành công khai.

Tính bảo mật

Tất cả các thông tin thu thập được chỉ phục vụ cho nghiên cứu, không nhằm mục đích khác, không ảnh hưởng xấu đến người tham gia nghiên cứu. Danh tính của người tham gia nghiên cứu không bị tiết lộ hay nêu trong báo cáo dưới bất kỳ hình thức nào. Dữ liệu điện tử chỉ được truy cập thông qua tài khoản đăng nhập bởi những người có thẩm quyền. Các tệp ghi âm và gõ băng được lưu trữ trong máy tính có khóa mật khẩu bảo vệ.

5. Hạn chế

- Do ảnh hưởng của dịch COVID19 tại Việt Nam khiến việc điều phối hành chính cũng như sắp xếp triển khai nghiên cứu gặp khó khăn dẫn đến thời gian thực địa của nghiên cứu bị ngắt quãng và kéo dài. Để đảm bảo tiến độ hoàn thiện đề tài, thời gian xử lý, rà soát, làm sạch, phân tích số liệu và viết báo cáo bị rút ngắn.
- Rào cản về ngôn ngữ của nhóm nghiên cứu làm hạn chế sự phong phú của thông tin, dữ liệu thu thập, đặc biệt với những nhóm đối tượng nghiên cứu là người tham gia tại các địa bàn trong cộng đồng.
- Hạn chế về chọn mẫu: do điều kiện thực tế các địa bàn nghiên cứu ở vùng có điều kiện giao thông khó khăn, có nhiều người di cư, nhiều thanh thiếu niên trong độ tuổi nghiên cứu không có mặt tại địa bàn trong thời gian tiến hành thực địa dẫn đến khó khăn trong việc tìm kiếm và mời người tham gia nghiên cứu. Kết quả là, mẫu tham gia nghiên cứu đại diện cho thanh thiếu niên tại cộng đồng bị thu nhỏ hơn so với thiết kế ban đầu.

6.

Kết quả nghiên cứu

6.1

Đặc điểm mẫu nghiên cứu

6.1.1

Mẫu nghiên cứu định lượng

Tại hai địa bàn nghiên cứu, tổng cộng 624 thanh thiếu niên DTTS đã tham gia trả lời bảng hỏi định lượng; mẫu nghiên cứu tại Điện Biên là 328, tại Hà Giang là 296. Phân theo giới tính, mẫu định lượng bao gồm 62.2% là nữ (388 người) và 37.8% là nam (236 người). Tuổi trung bình của người tham gia là khoảng hơn 15 tuổi. Khi phân theo nhóm tuổi, tỷ lệ bao gồm: 46.2% thuộc nhóm dưới 15 tuổi (độ tuổi học THCS); 49.5% thuộc nhóm 16 đến 18 tuổi (tuổi học PTTH); và 4.3% còn lại thuộc nhóm trên 18 tuổi.

Người tham gia thuộc nhóm dân tộc Mông chiếm tỷ lệ cao nhất (40.9%) trên toàn mẫu, tiếp đến là nhóm dân tộc Thái (39.6%). Tỷ lệ người thuộc nhóm dân tộc Mông chủ yếu tập trung tại địa bàn Hà Giang và Lào Cai, trong khi tỷ lệ người thuộc nhóm dân tộc Thái tập trung tại địa bàn Điện Biên. Những nhóm dân tộc có tỷ lệ thấp hơn bao gồm: Khơ Mú (4.7%), Dao (2.9%), Tày (2.6%), Giáy (3.9%), và các dân tộc khác (5.3%, bao gồm các dân tộc Xùong, Sán Dìu, Nùng, Lô Lô, Kinh, Hoa).

67.9% các em học sinh và thanh thiếu niên tham gia trả lời bảng hỏi hiện sống cùng với cha mẹ/gia đình, 26.6% đang sống tại ký túc xá của trường.

6.

6.1

6.1.1

Bảng 1:

Đặc điểm
mẫu định
lượng

	Điện Biên (N=328)	Hà Giang (N=296)	Chung (N=624)
Giới tính			
Nam	104 (31.7%)	132 (44.6%)	236 (37.8%)
Nữ	224 (68.3%)	164 (55.4%)	388 (62.2%)
Tuổi trung bình			
	15.58	15.70	15.64
Nhóm tuổi			
Nhóm tuổi dưới 15 (THCS trở xuống)	157 (48.3%)	124(43.8%)	281(46.2%)
Nhóm 16 đến 18 (PTTH)	161 (49.5%)	140 (49.5%)	301(49.5%)
Nhóm 19 tuổi trở lên	7(2.2%)	19(6.7%)	26(4.3%)
Dân tộc			
Mông	38 (11.7%)	215 (73.4%)	253 (40.9%)
Thái	245 (75.4%)	0 (0.0%)	245 (39.6%)
Khơ Mú	29 (8.9%)	0 (0.0%)	29 (4.7%)
Dao	0 (0.0%)	18 (6.1%)	18 (2.9%)
Tày	0 (0.0%)	16 (5.5%)	16 (2.6%)
Giáy	0 (0.0%)	24 (8.2%)	24 (3.9%)
Khác (Xuông, Sán Dìu, Nùng, Lô Lô, Kinh, Hoa)	13 (4.0%)	20 (6.8%)	33 (5.3%)
Hiện đang sống với ai			
Sống tại trường, ký túc xá	64 (19.9%)	97 (34.2%)	161 (26.6%)
Sống với cha mẹ, gia đình ở nhà	256 (79.8%)	155 (54.6%)	411 (67.9%)
Sống tại nơi làm việc	0 (0.0%)	9 (3.2%)	9 (1.5%)
Ở trọ, sống một mình	1 (0.3%)	23 (8.1%)	24 (4.0%)

6.

6.1

6.1.2 Mẫu nghiên cứu định tính

Bảng 2:

Mẫu nghiên cứu định tính

Song song với nghiên cứu định lượng, nghiên cứu định tính cũng được triển khai tại ba địa bàn nghiên cứu. Sau thời gian tiến hành thực địa, dựa trên cơ sở thiết kế ban đầu và thực tế điều phối triển khai nghiên cứu tại địa phương, nhóm nghiên cứu đã thực hiện 14 TLN và 34 PVS với các nhóm đối tượng nghiên cứu. Mẫu nghiên cứu định tính được phân bổ cụ thể như sau:

Nhóm đối tượng nghiên cứu	Hà Giang	Điện Biên	Lào Cai
Học sinh THCS (nam và nữ)	02 TLN	02 TLN 02 PVS	-
Học sinh PTTH (nam và nữ)	01 TLN	01 TLN	01 TLN
Thanh thiếu niên tại cộng đồng	01 TLN 03 PVS	04 TLN 01 PVS	02 TLN 02 PVS
Giáo viên	04 PVS	03 PVS	-
PVS Cán bộ chuyên trách tại địa phương	03 PVS	03 PVS	-
PVS lãnh đạo địa phương	03 PVS	01 PVS	-
PVS người thạo tin tại địa phương	02 PVS	01 PVS	02 PVS
Tổng mẫu tại mỗi địa bàn	TLN 04 PVS 15	TLN 07 PVS 11	TLN 03 PVS 04
Cán bộ chương trình, nhân viên công tác xã hội	01 PVS tại Điện Biên, 03 tại Hà Nội		
Tổng mẫu định tính	14 TLN và 34 PVS		

Hình:

Thảo luận nhóm với học sinh tại Hà Giang



6.

6.2

Tiếp cận và hành vi sử dụng Internet và mạng xã hội của thanh thiếu niên dân Tộc Thiểu Số

6.2.1

Sở hữu thiết bị công nghệ, tiếp cận Internet và Mạng xã hội

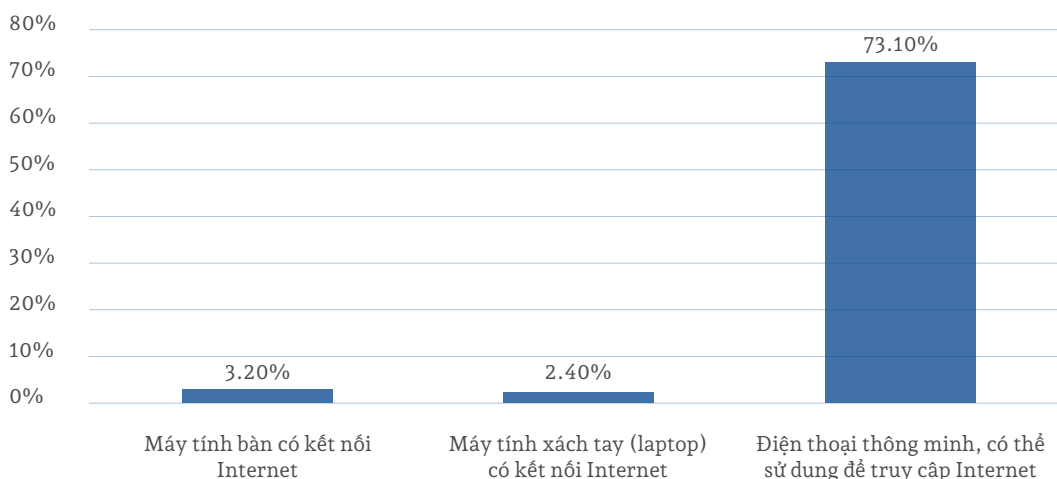
Ngày nay, tiếp cận đến Internet, mạng xã hội và các dịch vụ trên mạng ngày càng trở nên dễ dàng và phổ biến hơn với thanh thiếu niên DTTS. Theo chia sẻ của người tham gia trong nghiên cứu định tính, thông thường, học sinh và thanh thiếu niên bắt đầu sử dụng, có sở hữu điện thoại thông minh vào khoảng năm 14 tuổi (năm học lớp 7).

Điều tra định lượng cho thấy có đến 73.1% người tham gia hiện sở hữu điện thoại thông minh có thể truy cập internet. Đáng chú ý, khi phân tích theo nhóm tuổi, tỷ lệ thanh thiếu niên DTTS thuộc nhóm tuổi từ 16 trở lên có sở hữu điện thoại thông minh cao hơn một cách đáng kể (93%). Điều này cũng thích hợp với phát hiện trong nghiên cứu định tính chỉ ra độ tuổi các bạn thanh thiếu niên lần đầu được sở hữu điện thoại cá nhân thường vào những năm cuối cấp học THCS, đầu THPT, khi cha mẹ các em mua và cho phép các em sử dụng điện thoại, hoặc sau khi các em bắt đầu tìm kiếm công việc làm thêm và có thể tiết kiệm đủ tiền để mua chiếc điện thoại đầu tiên cho bản thân.

Biểu đồ 1:

Tỷ lệ sở hữu thiết bị công nghệ có thể truy cập Internet

Tỷ lệ sở hữu thiết bị công nghệ có thể truy cập Internet (N=624)

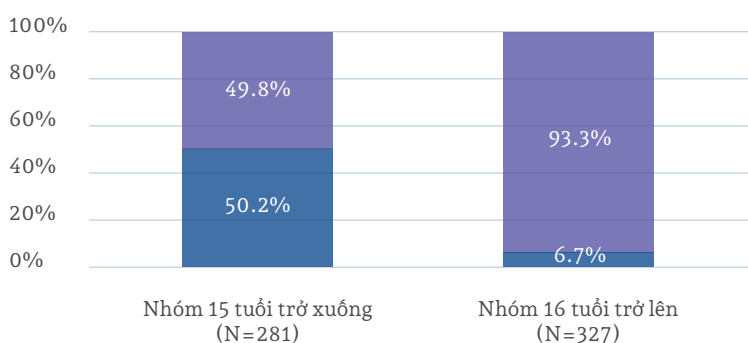


Biểu đồ 2:

Tỷ lệ sở hữu điện thoại thông minh theo nhóm tuổi

Ghi chú*: kiểm định Chi bình phương $p < 0.05$

Tỷ lệ sở hữu điện thoại thông minh theo nhóm tuổi*



6.

6.2

6.2.1

Phân tích tỷ lệ sở hữu điện thoại thông minh theo nhóm dân tộc, có thể nhận thấy nhóm dân tộc Mông có tỷ lệ sở hữu thấp hơn cả (47%), trong khi nhóm dân tộc Thái có tỷ lệ sở hữu điện thoại thông minh là 92.2%, và nhóm các dân tộc khác có tỷ lệ này là 89.2%. Thông tin từ các TLN và PVS Tại Lào Cai cho biết tỷ lệ sở hữu điện thoại thông minh trong nhóm học sinh, thanh thiếu niên cũng khá cao (80% trong nhóm thanh niên ở O Châu, và khoảng 90% trong nhóm thanh niên cộng đồng). Có thể giải thích một phần lý do tỷ lệ sở hữu điện thoại thông minh trong nhóm dân tộc Mông thấp hơn đáng kể do đa phần mẫu nghiên cứu người Mông tập trung tại các địa bàn nghiên cứu ở Hà Giang, nằm xa khu vực trung tâm thị trấn hơn, điều kiện đi lại khó khăn, và điều kiện kinh tế thấp hơn so với các địa bàn còn lại.

Chia sẻ của thanh thiếu niên DTTS cho thấy sự dễ dàng và đa dạng về hình thức tiếp cận đến Internet của họ. Đa phần (72%) thanh thiếu niên DTTS trong nghiên cứu này truy cập Internet bằng điện thoại thông minh cá nhân. Với các em học sinh ở độ tuổi PTTH, tỷ lệ sử dụng điện thoại di động có truy cập Internet là rất cao (93.3%). Trên thực tế, việc sở hữu thiết bị di động khá dễ dàng và không quá tốn kém đối với điều kiện kinh tế của các gia đình hiện nay. Đồng thời, một số trường học có trang bị hệ thống wifi miễn phí, hoặc các em có thể sử dụng nhờ kết nối wifi từ các hộ dân, hàng quán xung quanh trường hoặc nơi ở.

Lúc ở trường này các em ấy truy cập Internet là bắt wifi của nhà trường, còn ví dụ như ở nhà trọ thì các gia đình xung quanh, hộ dân xung quanh đầy đều có wifi mà nên là việc truy cập của các em cũng không khó mấy đâu.
(PVS Giáo viên, Hà Giang)

GV

Tại các trường nội trú, kể cả khi học sinh chưa có điện thoại hay các thiết bị truy cập internet riêng, các em có thể lên mạng chung với bạn bè của mình. Tỷ lệ cho biết có thể sử dụng chung, hoặc nhờ thiết bị của bạn bè, cha mẹ, người quen là 16.1%. Tại những trường có vị trí gần trung tâm thị xã, thị trấn, học sinh còn có thể truy cập Internet tại các quán trò chơi điện tử (quán game). Tỷ lệ học sinh cho biết có thể lên mạng tại các quán net, Internet cafe là 9.9%.

Ngoài giờ học thì nhiều em thỉnh thoảng lại đến quán net để chơi, có những em thì lại sử dụng điện thoại để chơi các trò chơi online... Ở trên này thì theo quan sát của mình thì mình thấy có gần chục quán net, cái huyện nhỏ này là tương đối nhiều đấy.
(PVS Giáo viên, Hà Giang)

GV

6.

6.2

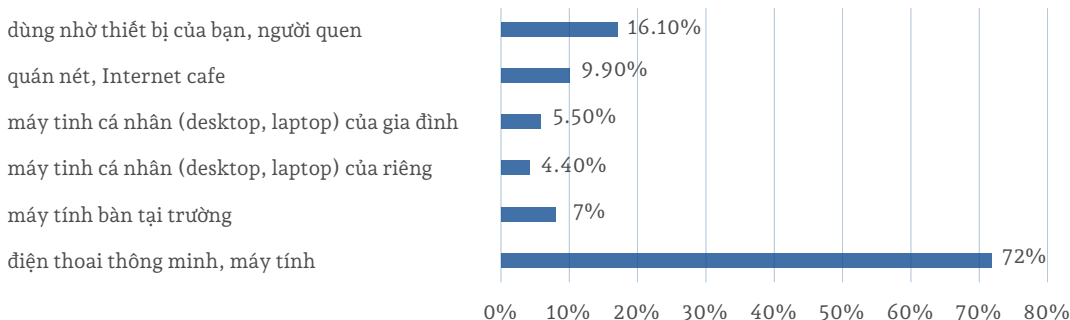
6.2.1

Khi phân tích theo giới tính, có thể nhận thấy tỷ lệ thanh thiếu niên nam lên mạng tại các quán Internet cafe, quán games (14.8%) cao hơn đáng kể so với tỷ lệ này trong nhóm nữ (7%). Điều này phần nào có thể giải thích bởi chia sẻ trong các PVS và TLN về thói quen và sở thích chơi trò chơi điện tử trực tuyến phổ biến hơn trong nhóm học sinh và thanh thiếu niên nam.

Biểu đồ 3:

Các hình thức truy cập Internet

Các hình thức truy cập Internet (% , N=615)



Việc sử dụng Internet gần như là hoạt động hàng ngày đối với đa phần người tham gia trong nghiên cứu, kết quả phân tích từ cả số liệu định tính và định lượng đều cho biết thanh thiếu niên DTTS sẽ lên mạng mỗi khi có thời gian rảnh rỗi, ví dụ như khi không phải đi học hoặc làm việc. Vào ngày nghỉ, thời gian lên mạng thường lâu hơn.

Kết quả điều tra định lượng cho thấy trung bình người tham gia dành khoảng 5 giờ 30 phút mỗi ngày để lên mạng. Nhóm nữ cho biết có số giờ lên mạng mỗi ngày khoảng gần 6 giờ đồng hồ, lâu hơn một chút so với nhóm nam (gần 5 giờ). Nhóm trên 16 tuổi cũng cho biết dành nhiều thời gian lên mạng hơn so với nhóm 15 tuổi trở xuống (khoảng 5 giờ 40 phút so với khoảng 4 giờ 50 phút mỗi ngày). Tuy nhiên những sự khác biệt này chưa ở mức có ý nghĩa thống kê.

6.

6.2

6.2.2

Mục đích sử dụng Internet và mạng xã hội

Thanh thiếu niên DTTS sử dụng Internet và MXH với mục đích và hình thức rất phong phú và đa dạng. Đa phần người tham gia cho biết họ sử dụng MXH để giải trí (77%), liên lạc với gia đình (74.8%), liên lạc với bạn bè (73.6%), tìm kiếm và cập nhật thông tin (62.4%) và kết bạn (62.4%); bên cạnh đó cũng có một tỷ lệ đáng kể người tham gia sử dụng MXH để cập nhật về đời sống của bạn bè (44.7%), chia sẻ trạng thái và hình ảnh của bản thân (38.2%), hay tìm người yêu (21.4%). Có 10.6% người tham gia cho biết họ sử dụng MXH đơn giản vì tất cả bạn bè quanh họ đều dùng nên họ phải sử dụng theo. 9.9% cho biết họ lên MXH để tìm kiếm cơ hội việc làm, và 5.9% sử dụng MXH như một nền tảng để kinh doanh.

Kết quả phân tích theo giới tính cho thấy tỷ lệ sử dụng MXH với mục đích “tìm người yêu” trong nhóm nam là 25.7%, cao hơn đáng kể so với tỷ lệ này ở nhóm nữ là 16.1%. Nhóm nam cũng là nhóm sử dụng MXH do áp lực đồng đẳng, vì bạn bè đều dùng nên cũng phải dùng theo cao hơn đáng kể so với nhóm nữ (12.8% so với 7.7%). Trong khi đó, tỷ lệ sử dụng MXH với mục đích tìm kiếm thông tin, kết bạn, liên lạc với gia đình và bạn bè, và kinh doanh ở nhóm nữ cao hơn đáng kể so với ở nhóm nam. Sự khác biệt về tỷ lệ nam và nữ sử dụng MXH với những mục đích còn lại đều không đáng kể.

Bảng 3:

Mục đích sử dụng Internet và MXH theo giới tính

Ghi chú:

Phân tích trên nhóm hiện đang sử dụng MXH (N=322). Kiểm định Chi bình phương
*: p<0.05, **: p<0.01, ***: p<0.001

	Nam (N=179)	Nữ (N=143)	Chung (N=322)
Tìm kiếm, cập nhật tin tức***	54.2%	72.7%	62.4%
Giải trí	77.1%	76.9%	77.0%
Kết bạn***	51.4%	76.2%	62.4%
Cập nhật thông tin về cuộc sống của bạn bè **	37.4%	53.8%	44.7%
Chia sẻ thông tin/hình ảnh với mọi người	35.2%	42.0%	38.2%
Liên lạc với gia đình *	70.4%	80.4%	74.8%
Liên lạc với bạn bè **	67.0%	81.8%	73.6%
Tìm người yêu *	25.7%	16.1%	21.4%
Kinh doanh **	2.8%	9.8%	5.9%
Vì tất cả bạn bè dùng nên tôi dùng*	12.8%	7.7%	10.6%
Tìm việc	7.8%	12.6%	9.9%

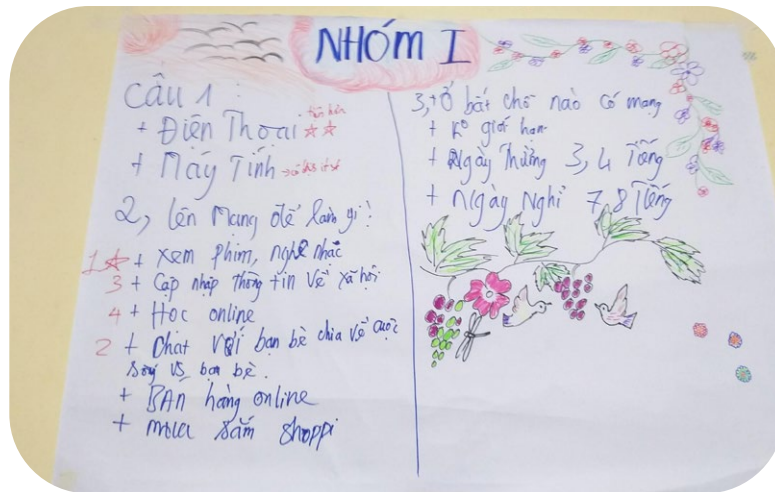
6.

6.2

6.2.2

Hình:

Thảo luận nhóm
tại Lào Cai



Phân tích theo nhóm dân tộc cho thấy tỷ lệ người tham gia là người dân tộc Thái và các nhóm dân tộc khác sử dụng MXH với mục đích tìm kiếm, cập nhật tin tức, giải trí và liên lạc với gia đình cao hơn đáng kể tỷ lệ này trong nhóm dân tộc Mông. Trong khi đó, tỷ lệ người sử dụng MXH với mục đích tìm việc trong nhóm dân tộc Mông cao hơn đáng kể so với hai nhóm còn lại. Với những mục đích khác, tỷ lệ khác biệt giữa các nhóm dân tộc không ở mức có ý nghĩa thống kê.

Bảng 4:

Mục đích sử
dụng Internet
và MXH theo
nhóm dân tộc

Ghi chú:

Phân tích trên nhóm
hiện đang sử dụng
MXH. Kiểm định Chi
bình phương
*: $p < 0.05$, **: $p < 0.01$,
***: $p < 0.001$

	Mông (N=105)	Thái (N=123)	Khác (N=92)
Tìm kiếm, cập nhật tin tức*	51.4%	67.5%	68.5%
Giải trí ***	60.0%	83.7%	89.1%
Kết bạn	65.7%	63.4%	58.7%
Cập nhật thông tin về cuộc sống của bạn bè	42.9%	43.1%	48.9%
Chia sẻ thông tin/hình ảnh với mọi người	36.2%	41.5%	37.0%
Liên lạc với gia đình***	61.9%	82.9%	79.3%
Liên lạc với bạn bè	65.7%	77.2%	78.3%
Tìm người yêu	21.0%	23.6%	18.5%
Kinh doanh	5.7%	3.3%	8.7%
Vì tất cả bạn bè dùng nên tôi dùng	9.5%	12.2%	9.8%
Tìm việc***	18.1%	4.1%	7.6%

6.

6.2

6.2.2

Chia sẻ từ PVS và TLN với học sinh DTTS một lần nữa minh họa cụ thể hơn về sự đa dạng trong mục đích sử dụng MXH, về những lợi ích từ những dịch vụ công nghệ này mang lại cho học sinh và thanh thiếu niên DTTS. Ở những khu vực vùng sâu, vùng xa, không gần các địa bàn trung tâm, MXH giúp rút ngắn khoảng cách tiếp cận đến thông tin, kiến thức, mang lại “Cho chúng ta biết nhiều thông tin, nhiều điều, tìm hiểu về những cái mình muốn biết. Giúp kết nối gần hơn, dễ dàng hơn, dễ dàng kết nối với thầy cô, bạn bè hơn, còn giúp tìm được người yêu (TLN HS PTTH, Hà Giang)”. Hay như chia sẻ của một nam học sinh 16 tuổi người dân tộc Mông tìm được người yêu thông qua MXH:

TTN

*Em vừa có người yêu trên game Free Fire, bọn em mới yêu nhau được một tuần. Bọn em nói chuyện được một, hai ngày thì em tỏ tình với bạn ấy, thế là bạn ấy đồng ý, bạn ấy ít tuổi hơn em, em cũng không biết vì sao mình yêu bạn ấy. Nếu không nói ra, em sẽ cảm thấy tiếc nuối nên em đã quyết định nói.
(TLN thanh thiếu niên, Lào Cai)*

MXH giúp thanh thiếu niên DTTS dễ dàng mở rộng kết nối xã hội, làm quen bạn mới, mở rộng hiểu biết về những vùng đất mới, những con người ở những nơi mà họ chưa đặt chân đến.

HS

*(Dùng MXH) Em muốn kết bạn em xem thông tin cá nhân, mình muốn xem tin nhắn của họ ... để làm quen... Em viết thông tin (trên Facebook) xong bảo là cần tìm người yêu. Em cảm thấy tò mò và được hiểu hơn về những nơi khác đây, em kết bạn với các bạn ở Hà Nội, Sài Gòn...
(TLN HS PTTH, Điện Biên)*

Nhiều học sinh và thanh thiếu niên DTTS có nhu cầu tìm kiếm thu nhập cho bản thân, MXH là một môi trường có thể giúp các em tiếp cận, tìm kiếm thông tin cơ hội việc làm. Trường hợp của một học sinh nữ tại Hà Giang là một điển hình cho việc nhờ vào MXH để thanh thiếu niên DTTS tìm kiếm cơ hội việc làm thêm, tạo thu nhập cho bản thân.

HS

*Em bắt đầu sử dụng MXH năm lớp 10. Dùng nhờ máy của bạn do thầy cô bảo lập tài khoản để tạo nhóm lớp, cập nhật thông tin của lớp, trường. Hè lớp 10 đi làm công ty kiếm tiền mua điện thoại riêng. Hè lớp 11 tìm việc qua nhóm “Tìm việc TP Hà Giang” thấy có chị đăng bài tuyển người làm quán ăn nên đã nhắn tin hỏi. Em có bạn đã từng làm ở đây nên đã xuống thành phố và liên lạc với chị chủ quán rồi đi làm. Bố mẹ ngăn cản nhưng em vẫn đi.
(TLN HS PTTH, Hà Giang)*

6.

6.2

6.2.2

GV

Ở cấp học THPT, đa phần học sinh sở hữu và sử dụng điện thoại thông minh, do vậy, nhiều giáo viên đã tận dụng MXH như một phương tiện hữu ích để liên lạc, trao đổi thông tin, giao bài tập cũng như theo dõi, quản lý học sinh.

Các thầy cô hiện nay cũng đã vận dụng để trình chiếu hoặc giảng dạy, cập nhật kiến thức mới, kiến thức liên quan cho học sinh, ứng dụng vào giảng dạy thực tế cho học sinh để học sinh tiếp cận và biết được các thông tin một cách chính xác và nhanh chóng... rồi có thể trao đổi luôn, giao bài thông qua các mạng xã hội luôn... Thường sẽ thành lập nhóm, có thể là nhóm Facebook hoặc Zalo... Thầy cô dạy ở lớp này chẳng hạn thì có thể thành lập một nhóm của lớp, sau đó là giao bài cho các em thông qua nhóm, và các em sẽ nhận nhiệm vụ từ đấy để thực hiện. ... Số lượng học sinh không có thiết bị thông minh thì rất là ít, phần lớn các em ở ngoài này thì hay ở trọ cùng nhau, nên là đến khi giao bài thì các em sẽ lấy từ người bạn để có bài để học và làm. (PVS Giáo viên, Hà Giang)

Trong các TLN và PVS với thanh thiếu niên ở cả ba địa bàn nghiên cứu đều chỉ ra rằng, với một số thanh thiếu niên năng động, cá tính, MXH được sử dụng như một công cụ, nền tảng để thể hiện mình, tạo dựng hình ảnh bản thân, từ đó có thể nâng cao được sức hút, tầm ảnh hưởng cũng như giá trị của bản thân, thậm chí sử dụng nó như công cụ tạo thu nhập thông qua gây dựng mạng lưới quan hệ trên mạng, kinh doanh online, hoặc trở thành người nổi tiếng, người có ảnh hưởng. Để làm được điều đó, các tài khoản MXH cá nhân được họ chăm chút gây dựng và duy trì bằng những hình ảnh đẹp của bản thân, lời giới thiệu hấp dẫn, có nhiều kết nối bạn bè ở nhiều nơi, thường xuyên cập nhật trạng thái, các hoạt động hàng ngày, chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận của bản thân, có nhiều tương tác giữa các tài khoản, liên lạc với bạn bè, vv.. Tất cả những tiện ích này đều có thể tiếp cận đến và thực hiện một cách dễ dàng, nhanh chóng, không đòi hỏi chi phí quá tốn kém đối với các em học sinh.

6.

6.2

6.2.3

Mạng xã hội ưa thích của học sinh và thanh thiếu niên DTTS

Facebook và Facebook Messenger là MXH phổ biến nhất hiện nay đối với học sinh và thanh thiếu niên DTTS trong nghiên cứu này. Cụ thể là khi phân tích trong mẫu nghiên cứu có sử dụng MXH, có đến 99.1% cho biết họ có tài khoản Facebook. Những MXH phổ biến khác lần lượt bao gồm: Zalo (63.6%), TikTok (65.7%), Instagram (32.1%). Ngoài ra, một số MXH khác cũng được thanh thiếu niên DTTS sử dụng có thể kể đến như Mocha (7.4%), hoặc một tỷ lệ nhỏ người tham gia tại Hà Giang cho biết họ còn sử dụng các MXH như Wechat, Douyin, Weibo, v.v.

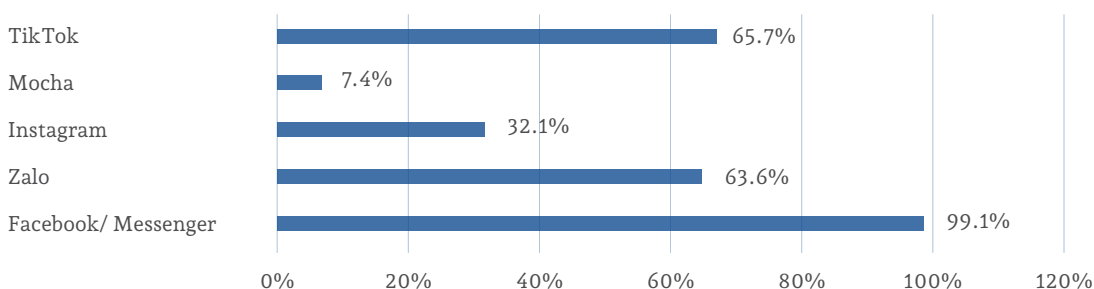
Khi phân tích theo giới tính, có thể nhận thấy nhóm nữ sử dụng Zalo và Instagram nhiều hơn đáng kể so với nhóm nam. Cụ thể là có đến 78.3% nhóm nữ sử dụng MXH có tài khoản Zalo trong khi tỷ lệ này ở nhóm nam là 51.9%. Tương tự, 51% nữ sử dụng Instagram trong khi chỉ có 17.1% nam có tài khoản trên MXH này. Sự khác biệt về tỷ lệ sử dụng các MXH khác theo giới tính chưa ở mức độ đáng kể.

Phân tích theo nhóm dân tộc cho thấy không có khác biệt đáng kể về tỷ lệ sử dụng Facebook, Zalo giữa các nhóm dân tộc. Tỷ lệ sử dụng Instagram trong dân tộc Mông là 9.3%, thấp hơn đáng kể khi so với nhóm dân tộc Thái (43.9%) và các dân tộc khác (42.4%). Mocha phổ biến trong nhóm dân tộc Thái hơn cả (12.2%); khi so với nhóm dân tộc Mông (3.7%) và nhóm khác (5.4%). TikTok phổ biến trong các nhóm dân tộc khác nhất (76.1%), rồi đến trong nhóm dân tộc Thái (66.7%), và thấp nhất tại nhóm dân tộc Mông (56.1%).

Biểu đồ 4:

Tỷ lệ sử dụng các MXH phổ biến

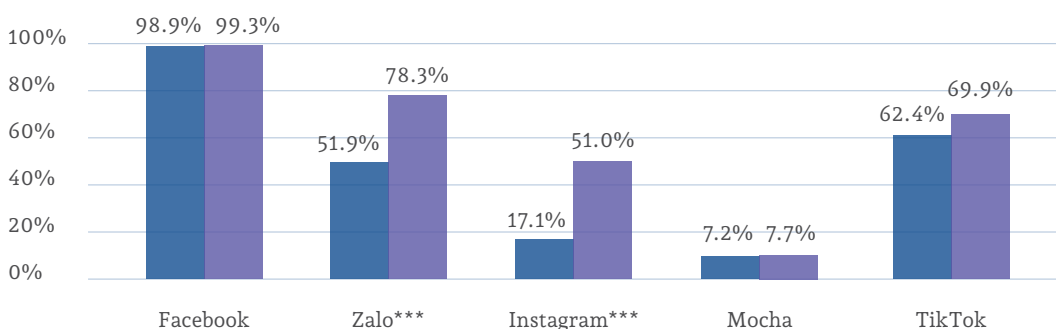
Tỷ lệ sử dụng các MXH phổ biến (N=324)



Biểu đồ 5:

Tỷ lệ sử dụng các MXH theo giới tính

Tỷ lệ sử dụng các MXH theo giới tính



6.

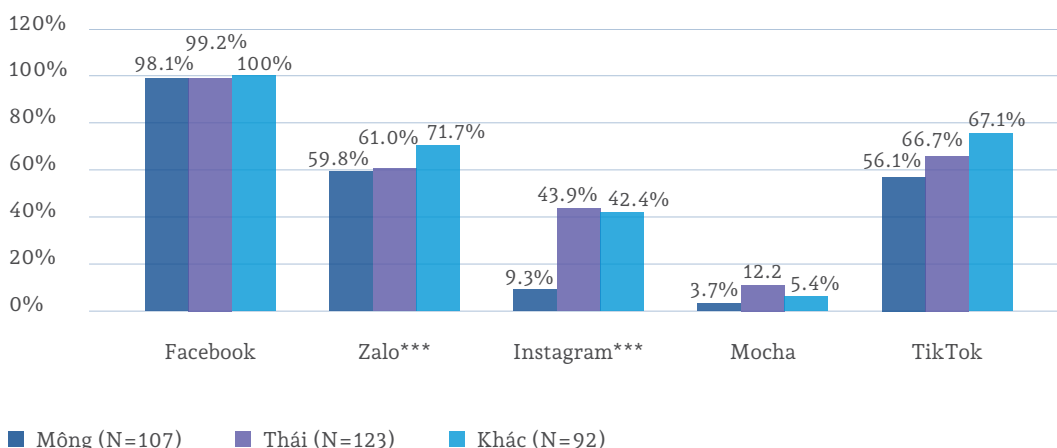
6.2

6.2.3

Biểu đồ 6:

Tỷ lệ sử dụng MXH theo nhóm dân tộc

Tỷ lệ sử dụng các MXH theo nhóm dân tộc



Những chia sẻ sau đây của học sinh tại Điện Biên có thể phần nào mô tả về sở thích sử dụng MXH của thanh thiếu niên tham gia vào nghiên cứu tại cả ba địa bàn:

HS

Em thì em chỉ xem Youtube thôi, em xem, học xong chán quá không có gì chơi thì giải trí một tí thôi ạ. Lúc thì, em không xem hoạt hình, em lúc thì lúc giải trí thì Tik Tok thì em xem họ làm bánh xong rồi làm bánh, xong rồi là họ chơi game xong rồi là họ quay quay giải trí đấy.

HS

Em chơi Facebook với là Instagram. Vâng, chủ yếu là dùng để chụp ảnh thôi ạ, Instagram nó dùng để chụp ảnh thôi. Facebook thì em hay để dùng xem phim. Nhắn tin cho bạn trai, nhắn tin lên nhóm. Em dùng Instagram là nhiều, em hay follow (theo dõi) hãng quần áo các thứ ạ. (TLN HS PTTH, Điện Biên)

HS

Một là giúp cho có nhiều thông tin mới, thứ hai là bắt trend tốt không để bị lỗi thời, ba giúp cho công việc được dễ dàng hơn. Thông tin mới ví dụ như tình hình dịch bệnh, bắt trend tốt không bị lỗi thời kiểu kiểu mình có thể biết nhiều trên mạng xã hội. Em là thấy dễ dàng hơn là mình có thể cái nào mà không biết là mình có thể tra trên mạng. Tiếp theo là giúp cho trí tưởng tượng phong phú, mình đang làm văn thì sẽ có nhiều trí tưởng tượng để cho bài văn mình hay hơn. (TLN THCS, Điện Biên)

6.

6.2

6.2.4

Tham gia hội nhóm, cộng đồng trên MXH

Tương đồng với tỷ lệ đa phần người sử dụng MXH với mục đích giải trí như được phân tích ở trên, hầu hết người sử dụng MXH cho biết có theo dõi các trang cộng đồng hoặc tham gia các hội nhóm trên MXH với nội dung hài hước, giải trí (71.9%). Những hội nhóm/trang cộng đồng với nội dung theo sở thích cá nhân, ví dụ yêu thích động vật, nấu ăn, hay du lịch,... cũng là những không gian mạng được nhiều người sử dụng MXH tham gia và theo dõi (41.6%). 32.8% theo dõi và tham gia các nhóm hội của trường, lớp; 28.6% tham gia các nhóm hội của địa phương hay nhóm đồng hương; 23.8% tham gia các nhóm kết bạn hoặc tìm người yêu; 15.9% tham gia các nhóm chia sẻ thông tin việc làm; và một tỷ lệ nhỏ (2.9%) cho biết theo dõi các trang hoặc tham gia các nhóm thông tin về lao động nước ngoài.

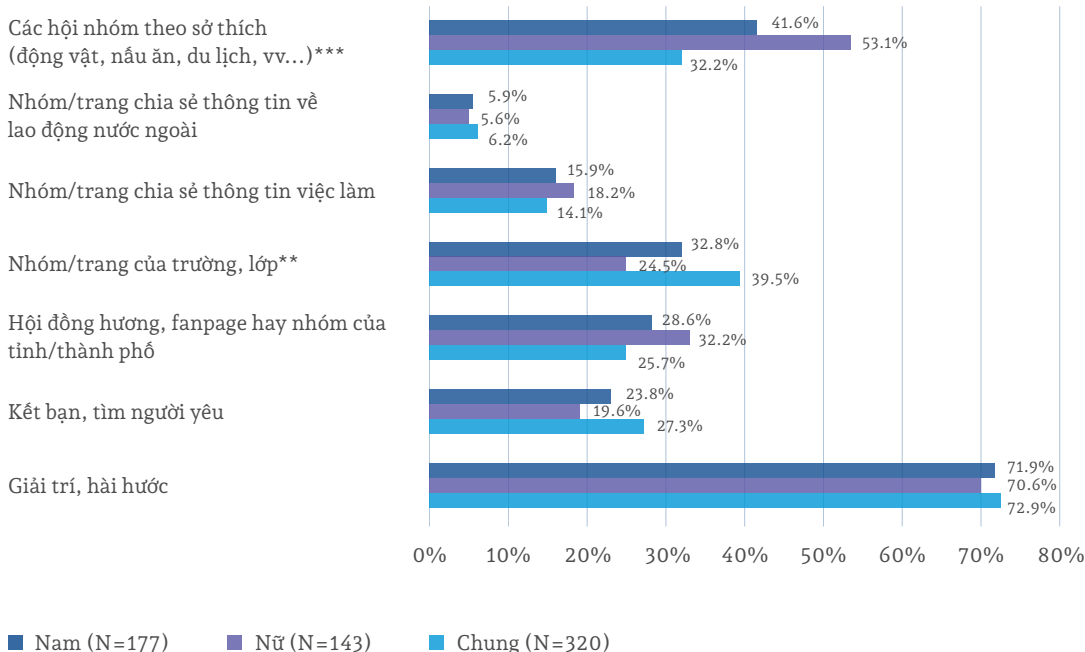
Phân tích theo giới tính cho thấy nhóm nữ có xu hướng tham gia vào các hội nhóm theo sở thích nhiều hơn so với nhóm nam (53.1% so với 32.2%); trong khi nhóm nam tham gia vào các nhóm của trường lớp nhiều hơn đáng kể so với nhóm nữ (39.5% so với 24.5%). Những khác biệt khác giữa hai nhóm nam và nữ là không đáng kể.

Phân tích theo nhóm dân tộc cho thấy nhóm dân tộc Mông (53.4%) tham gia vào các hội nhóm giải trí, hài hước thấp hơn đáng kể khi so với nhóm Thái (78.9%) và nhóm khác (83.7%). Tuy nhiên, nhóm Mông là nhóm cho biết có tỷ lệ tham gia và theo dõi các hội nhóm và trang cộng đồng chia sẻ thông tin về việc làm cao nhất (22.3%) khi so với hai nhóm còn lại (8.9% Thái, 16.3% khác).

Biểu đồ 7:

Tỷ lệ tham gia các nhóm hội, cộng đồng trên MXH theo giới tính

Tỷ lệ tham gia các nhóm hội, cộng đồng trên MXH theo giới tính



6.

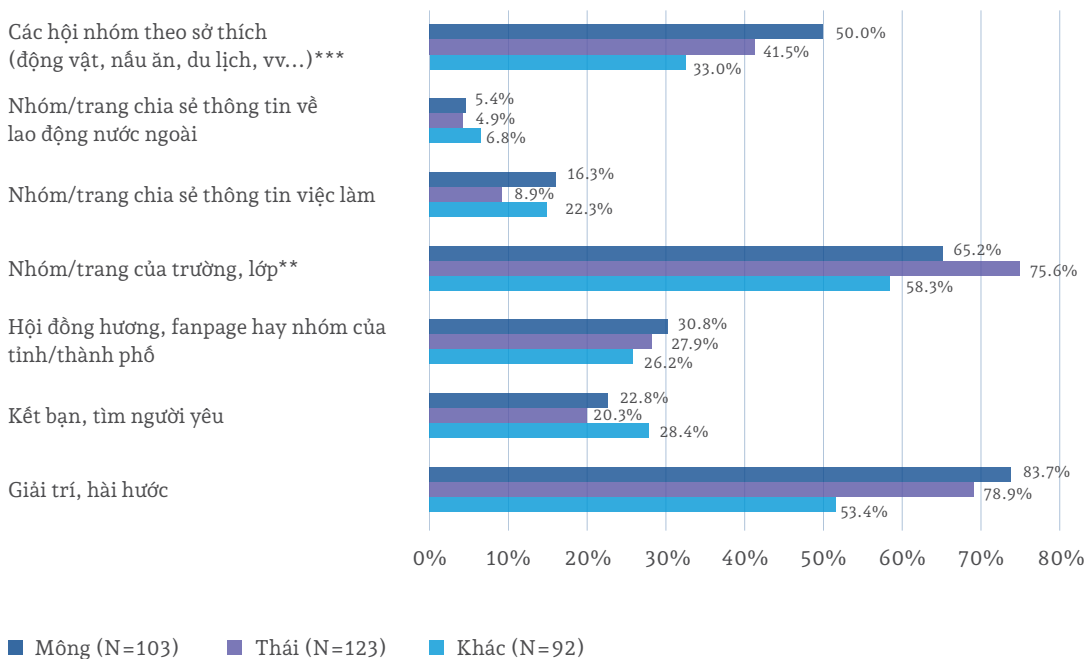
6.2

6.2.4

Biểu đồ 8:

Tỷ lệ tham gia các nhóm hội, cộng đồng trên MXH theo nhóm dân tộc

Tỷ lệ tham gia các nhóm hội, cộng đồng trên MXH theo nhóm dân tộc



Tổng hợp các trang fanpage, các hội nhóm, trang cộng đồng được học sinh và thanh thiếu niên nhắc đến trong các TLN và PVS bao gồm:

- Những trang nội dung vui vẻ, hài hước
- Trang fanpage của các thần tượng, người nổi tiếng
- Các trang review phim (bình luận phim), hoặc xem phim
- Nhiều học sinh nữ và thanh thiếu niên nữ chia sẻ họ ưa thích theo dõi các trang hội nhóm mua bán, thời trang, để có thể mua sắm hoặc kinh doanh trên mạng

Thanh thiếu niên cộng đồng dường như tiếp cận và theo dõi nhiều hội nhóm phong phú và đa dạng hơn ví dụ như:

- Các nhóm dân tộc, hội đồng hương, tỉnh/ thành phố
- Hội mê trai xinh gái đẹp, hot boys, hot girls
- Nhóm hỗ trợ mua bán, rao vặt, trao đổi hàng hoá
- Nhóm tìm việc làm, thông tin việc làm, tìm người lao động
- Các nhóm từ thiện
- Thanh lý đồ, tặng đồ miễn phí

6.

6.2

6.2.5

Chia sẻ thông tin cá nhân và kết nối trên MXH

Đang trong độ tuổi mới lớn, là học sinh và có nhiều em hiện sống xa nhà, nhu cầu kết nối, giao lưu, mở rộng mạng lưới bạn bè đối với thanh thiếu niên DTTS là rất cao. MXH và các dịch vụ trên Internet tạo ra một sân chơi, mở ra cơ hội thuận tiện hơn bao giờ hết giúp cho thanh thiếu niên DTTS có thể thỏa mãn nhu cầu mở rộng kết nối xã hội cũng như nhu cầu khẳng định, thể hiện giá trị bản thân của mình. Như đã phân tích ở phần trên, theo chia sẻ của nhiều học sinh và thanh thiếu niên tham gia nghiên cứu, cuộc sống trên mạng bao gồm những thông tin, hình ảnh mà họ đăng tải ngày càng trở nên quan trọng. Với một số người, trang cá nhân trên các MXH được coi như một bản thể, một ngôi nhà, hay tài sản quý giá cần được chăm chút, bảo vệ, đầu tư, nhằm nâng cao sức hút và giá trị.

Theo quan điểm của nhiều người tham gia, mức độ đáng tin, hấp dẫn, có giá trị, có ảnh hưởng của trang cá nhân trên MXH thường được đo lường và xác nhận bởi những thông tin, hình ảnh được chủ tài khoản đăng tải, mức độ tương tác giữa các tài khoản, hay sự công nhận bởi cộng đồng người dùng (ví dụ số lượt thích, số bạn bè, số người theo dõi, số lần được chia sẻ, số bình luận, v.v.). Việc sở hữu một tài khoản MXH có sức hút, có nhiều lượt xem, người theo dõi, bạn bè, lượt thích đôi khi có thể trở thành niềm tự hào của học sinh và thanh thiếu niên, thể hiện giá trị và mức độ ảnh hưởng của bản thân, hay thậm chí có thể trở thành công cụ tạo thu nhập, thông qua việc kinh doanh trực tuyến hay trở thành những người ảnh hưởng trên mạng.

Kết quả phân tích về mức độ chia sẻ thông tin cá nhân trong nhóm những người hiện đang sử dụng MXH (N=317) cho thấy: đa phần sử dụng tên thật (75.4%), công khai giới tính (79.2%), và hình ảnh của bản thân (65.6%). Một tỷ lệ đáng chú ý khác cho biết họ công khai thông tin trường học (42.3%), số điện thoại cá nhân (37.2%) hay địa chỉ gia đình (18.6%) trên MXH. Phân tích theo giới tính chỉ ra nhóm nữ có xu hướng công khai chia sẻ thông tin cá nhân như giới tính, trường học và hình ảnh của bản thân trên MXH nhiều hơn đáng kể khi so với nhóm nam.

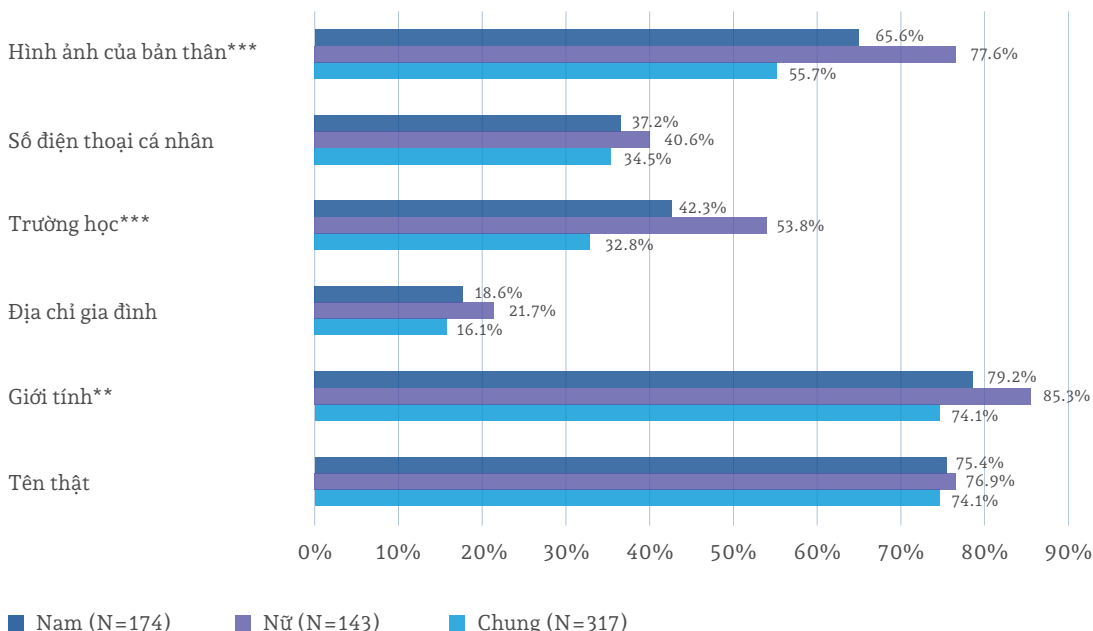
Biểu đồ 9:

Mức độ chia sẻ thông tin cá nhân trên MXH theo giới tính

Ghi chú:

Phân tích với nhóm người tham gia hiện có sử dụng MXH (N=317) kiểm định Chi bình phương
*: p<0.05, **:p<0.01, ***:p<0.001

Mức độ chia sẻ thông tin cá nhân trên MXH theo giới tính



6.

6.2

6.2.5

Đa phần nhóm hiện đang sử dụng MXH cho biết họ kết nối với những người có quan hệ hoặc có quen biết ngoài đời. 84.8% cho biết họ liên kết với bạn học, 82% có liên kết với anh chị em ruột, 71.4% có liên kết với họ hàng, 68.3% kết bạn với cha/mẹ trên MXH. Hơn một nửa số người sử dụng MXH cho biết họ kết bạn với bạn bè ngoài đời trên MXH (56.5%), những người quen khác (56.2%), giáo viên (51.6%). Một tỷ lệ đáng kể khác cho biết họ kết nối với những người bạn mới quen qua mạng (48.8%), người yêu (35.4%), hay những người bán hàng trên mạng (shop online) (36.3%). 23.3% cho biết họ có kết nối với người lạ, người không quen biết trên MXH.

Đáng lưu ý rằng, nhóm nữ có tỷ lệ kết nối với người lạ, người bán hàng online, hay bạn quen qua mạng cao hơn đáng kể so với nhóm nam.

Bảng 5:

Kết nối trên
mxh theo
giới tính

Ghi chú:

Phân tích với nhóm người tham gia hiện có sử dụng MXH (N=322) kiểm định Chi bình phương
*: p<0.05, **:p<0.01, ***:p<0.001

	Nam (N=179)	Nữ (N=143)	Chung (N=322)
Cha/mẹ	67.0%	69.9%	68.3%
Anh chị em ruột***	74.9%	90.9%	82.0%
Người thân, họ hàng khác	68.7%	74.8%	71.4%
Bạn học***	78.8%	92.3%	84.8%
Bạn ngoài đời, bạn xã hội**	49.7%	65.0%	56.5%
Người quen khác (hàng xóm, người quen của gia đình, vv..)	53.1%	60.1%	56.2%
Người yêu (bạn trai/bạn gái)	33.5%	37.8%	35.4%
Bạn quen qua mạng**	41.3%	58.0%	48.8%
Đồng nghiệp, người làm cùng	10.1%	16.8%	13.0%
Giáo viên**	45.3%	59.4%	51.6%
Người bán hàng online, shop online ***	18.4%	58.7%	36.3%
Người môi giới việc làm	4.5%	7.0%	5.6%
Người lạ ***	19.6%	28.0%	23.3%

6.

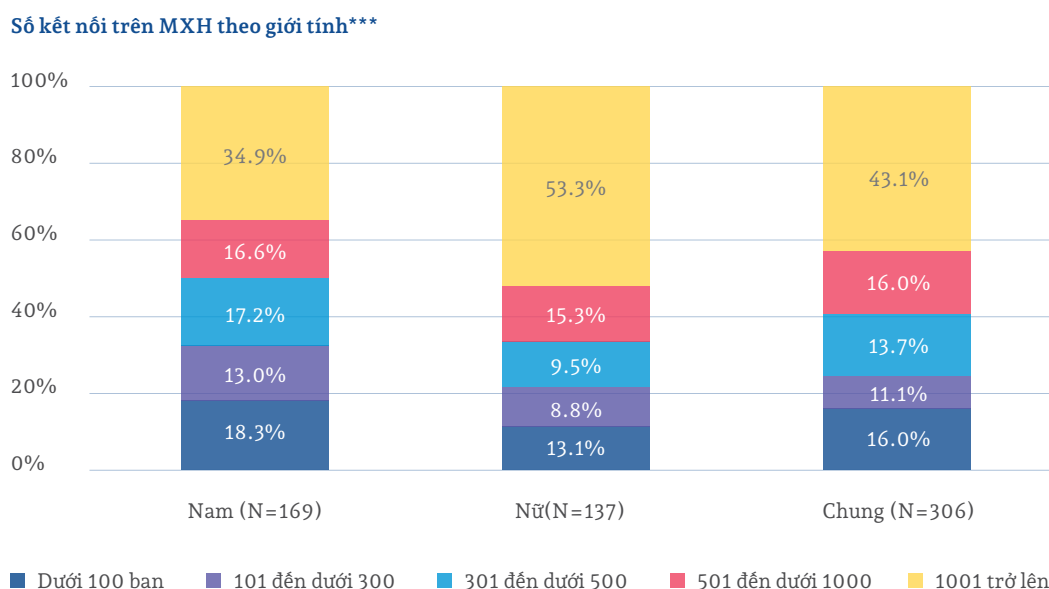
6.2

6.2.5

Cả trong điều tra định lượng và nghiên cứu định tính đều cho thấy nhiều học sinh và thanh thiếu niên DTTS sở hữu các tài khoản MXH với số kết nối “khủng⁵”, có thể lên đến hàng nghìn bạn bè, thậm chí số người theo dõi tài khoản MXH của một số bạn trẻ là hàng chục nghìn người hoặc cao hơn. Trong nghiên cứu định lượng, với nhóm hiện sở hữu các tài khoản MXH, Khi phân theo nhóm, có hơn 1/2 nhóm nữ có số bạn bè trên MXH nhiều 1000 người (53.3%), cao hơn đáng kể khi so với tỷ lệ này ở nhóm nam (34.9%). Nhóm nam cũng là nhóm có tỷ lệ người có số bạn bè trên MXH dưới 100 cao hơn đáng kể so với nhóm nữ (18.3% so với 13.1%).

Biểu đồ 10:

Số kết nối/
bạn bè trên
MXH theo
giới tính



Minh họa cụ thể hơn cho thói quen kết bạn, mở rộng mạng lưới kết nối trên MXH của học sinh và thanh thiếu niên DTTS, phân tích các tiêu chí đánh giá lựa chọn chấp nhận kết bạn của người tham gia điều tra định lượng cho thấy: Việc lựa chọn kết bạn mới đối với các em học sinh DTTS rất đơn giản, họ sẽ có xu hướng chấp nhận kết bạn dễ dàng hơn với những tài khoản của bạn bè đã quen biết từ trước, những tài khoản có nhiều bạn bè chung, những tài khoản trông đáng tin cậy (không giống tài khoản giả mạo), hay có nhiều nội dung vui vẻ, hài hước, và những người cùng dân tộc, sống cùng địa bàn. Chia sẻ về thói quen kết bạn và chấp nhận kết bạn trên MXH của học sinh PTTH ở Lào Cai có thể làm rõ hơn xu hướng này:

Bạn bè trên MXH bao gồm cả nam và nữ, thường kết bạn với những người có thông tin rõ ràng, ví dụ như trường học, quê quán, có nhiều bạn chung. Những điểm thu hút chấp nhận kết bạn hay chủ động kết bạn có thể là dung mạo đẹp trai, xinh gái, có nhiều status hay, nhiều triết lý, có chung sở thích. (TLN HS PTTH, Lào Cai)

HS

6.

Việc rà soát những tiêu chí này để đi đến quyết định hay từ chối kết bạn mới trên MXH thường được thực hiện dựa theo cảm tính, ấn tượng ban đầu về trang cá nhân của người kết bạn:

6.2

6.2.5

HS

(Khi có người kết bạn), em cũng vào cái trang cá nhân của họ để em xem. Em thấy nếu mà người đấy nếu mà em nhìn vào em thấy thích thích một tí thì em có cảm tình thì em kết bạn thôi. Đầu tiên là ngoại hình của người ta. (PVS HS Nữ, Điện Biên)

TTN

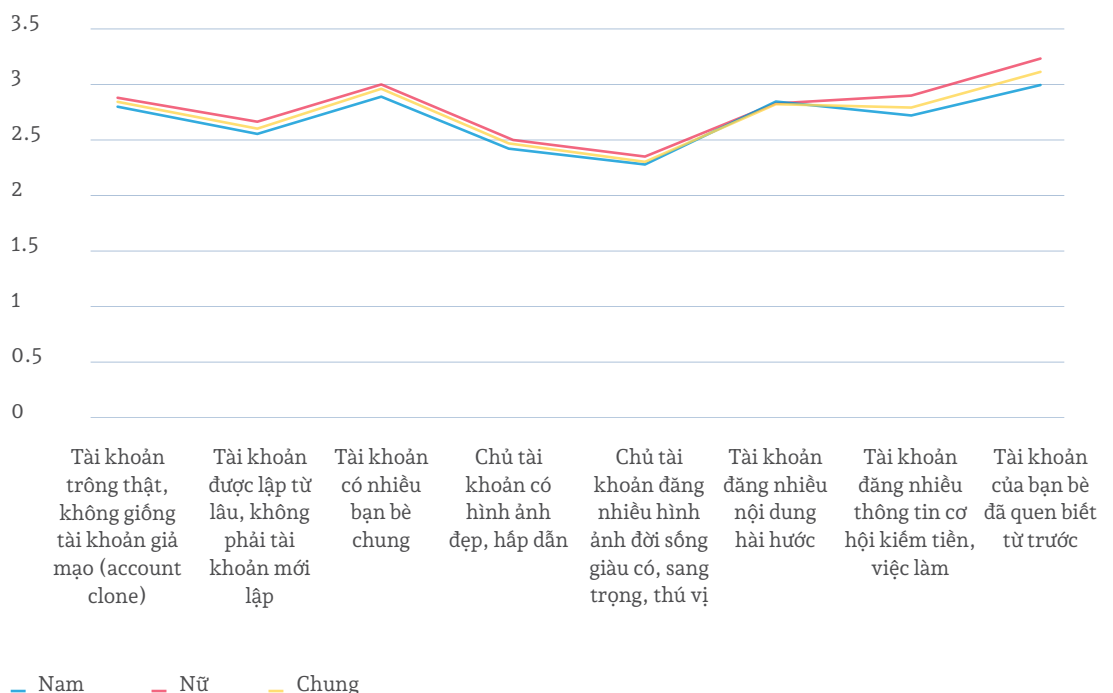
Nhìn thấy quen mặt. Thường thường mình biết trước mình mới chấp nhận. Xinh thì tùy người thôi. Đẹp trai. Người nào mà người ta hay đăng bán này bán nọ, bán hàng hóa qua mạng. Nói chung là nếu mà họ giàu thì mình có thể kết bạn, cái đấy người ta chỉ thu hút người xem, như kiểu là dụ người khác sa vào đấy thôi. Mình không thích người hay khoe bảo nào là bán mỹ phẩm, nào là doanh nhân các thứ thì nhiều cái nó cũng không đúng, nó không thật. (TLN Thanh thiếu niên cộng đồng, Điện Biên)

Phân tích từ điều tra cho thấy những tiêu chí quan trọng cho việc chấp nhận kết bạn mới trên MXH bao gồm: Tài khoản của người quen, bạn bè quen biết từ trước, tài khoản trông thật/không giống tài khoản giả mạo, có nhiều bạn bè chung, có nhiều nội dung hài hước, đăng nhiều thông tin cơ hội kiếm tiền/việc làm. Một số tiêu chí ít quan trọng hơn bao gồm: Tài khoản đã được lập từ lâu, chủ tài khoản có hình ảnh đẹp, đăng nhiều hình ảnh giàu có, sang trọng, thú vị.

Biểu đồ 11:

Những tiêu chí để quyết định chấp nhận kết bạn mới trên MXH

Những tiêu chí để quyết định chấp nhận kết bạn mới trên MXH



Rủi ro trên mạng xã hội và mối liên hệ đến mua bán người

Bên cạnh những lợi ích từ Internet và MXH, người tham gia trong nghiên cứu cũng thảo luận về những rủi ro tiềm ẩn, có thể trực tiếp hay gián tiếp liên quan đến mua bán người trên không gian mạng khi học sinh và thanh thiếu niên DTTS sử dụng Internet và MXH để giải trí, tìm kiếm thông tin, kết nối xã hội, kết bạn, hay tìm kiếm cơ hội việc làm.

6.3.1

Nguy cơ từ việc chia sẻ thông tin cá nhân trên MXH

Một số em thì khi mà trong quá trình sử dụng Internet đấy thì lại tham gia những cái nhóm, những cái hội ở trên mạng, rồi là cũng có thể là gây ảnh hưởng đến rất nhiều vấn đề về an ninh, là nhiều em để lại thông tin của mình ví dụ số điện thoại, ngày tháng năm sinh, địa chỉ thì đấy cũng là một trong những cái rủi ro rất là cao khi tham gia mạng xã hội. Nhiều đối tượng lừa đảo rồi là buôn người thường xuyên lợi dụng cái điểm yếu đấy của các em để có thể làm quen tán gẫu rồi, thông qua những cái hoạt động này dẫn đến nhiều vấn đề khác... nhiều em ở trên này đấy, bởi vì do bản sắc dân tộc nữa, nên là nhiều em mười lăm mười sáu tuổi đã đến tuổi lập gia đình, nhiều em cứ lên tìm những cái trang ví dụ như là hẹn hò này, những cái trang mà tình yêu đấy, là một trong những cái trang mà dễ để cho những đối tượng xấu lợi dụng để vi phạm pháp luật.

(PVS Giáo viên, Hà Giang)

GV

Chia sẻ chi tiết thông tin cá nhân và hình ảnh trên MXH có thể giúp người dùng tạo dựng một trang cá nhân đáng tin cậy, giúp dễ dàng tìm kiếm các mối liên kết, mở rộng giao lưu xã hội với những cộng đồng theo mong muốn, ví dụ những người cùng quê, bạn học cũ, bạn bè cùng trang lứa, hay những người có cùng sở thích. Tuy nhiên, có nhiều rủi ro từ việc chia sẻ thông tin cá nhân trên mạng đã được ghi nhận. Ví dụ như một số người tham gia trong PVS và TLN cho biết họ bị nhiều người gọi điện hoặc nhắn tin làm phiền khi công khai số điện thoại cá nhân trên mạng. Hoặc nhiều người nhắc đến nguy cơ trở thành nạn nhân của các vụ lừa đảo trên mạng khi tham gia vào các hội nhóm và chia sẻ quá nhiều thông tin cá nhân trên MXH.

6.

6.3

6.3.2

Kết bạn trên MXH và hẹn gặp

Việc hẹn gặp bạn mới quen qua MXH là khá phổ biến và được ủng hộ, khuyến khích trong mắt bạn bè cùng học, do đó, các em học sinh chia sẻ rằng họ có thể vô tư hẹn gặp bạn mới quen theo sở thích của mình mà không ngại ngần nếu như bạn học hoặc người quen biết được. Với học sinh nội trú, khi hẹn gặp mặt bạn mới quen qua MXH, thông thường các em sẽ tận dụng thời gian được ra khỏi khu vực ký túc xá hoặc trường học, hẹn gặp tại những địa điểm công cộng thuận tiện cho việc đi lại, ví dụ như ở các quán xá, khu vực chợ, hoặc thậm chí có những em đã hẹn bạn mới quen tại những địa điểm khá xa:

Em thì thường thường tuần ra (Ký túc xá) khoảng một hai lần. (Nếu hẹn gặp các bạn quen trên mạng) sẽ hẹn ở chợ ạ, gặp ngoài quán kia, quán của chị ở ngay cổng trường, quán trà sữa.

Em đi ra tận Tuần Giáo ... khoảng hai mươi km.

(TLN HS PTTH Điện Biên)

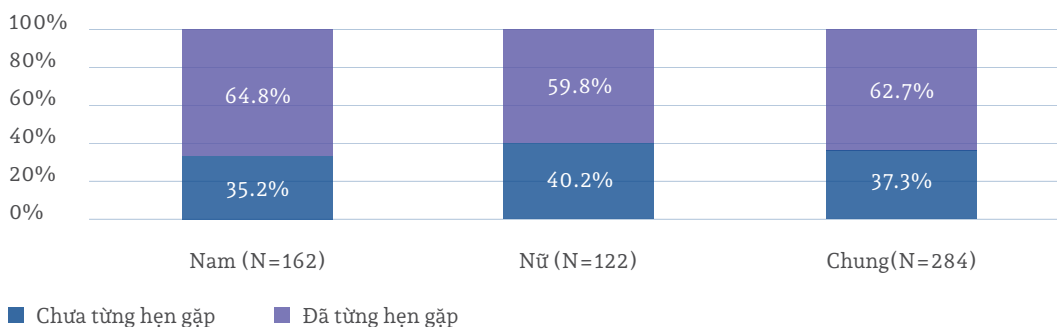
HS

Như đã phân tích ở trên, kết bạn là một trong những mục đích chính của việc sử dụng MXH đối với nhiều học sinh và thanh thiếu niên DTTS. Trong nghiên cứu này, với những người đã từng kết bạn mới thông qua MXH (N=284), có đến 62.7% cho biết họ từng hẹn gặp một hoặc nhiều người bạn quen qua MXH ở bên ngoài. Phân tích theo giới tính không tìm gia khác biệt đáng kể, tuy nhiên khi phân tích theo địa bàn, tỷ lệ có hẹn gặp bạn MXH bên ngoài ở Điện Biên (70.5%) cao hơn đáng kể so với Hà Giang (53.1%). Xét theo nhóm dân tộc, nhóm dân tộc Thái có tỷ lệ đã từng hẹn gặp với người quen qua MXH cao nhất (68.1%), tiếp đến là nhóm dân tộc Mông (62.7%), rồi đến các dân tộc khác (55%). Có thể giải thích rằng các trường tham gia nghiên cứu tại địa bàn Điện Biên (đa phần là người Thái) khá gần khu vực trung tâm, thị trấn, trong khi các địa bàn nghiên cứu ở Hà Giang (đa phần là người Mông) lại khá xa trung tâm, dẫn đến việc hẹn gặp bên ngoài đối với thanh thiếu niên ở đây có thể gặp nhiều khó khăn cũng như ít lựa chọn địa điểm hẹn gặp hơn.

Biểu đồ 12:

Tỷ lệ đã từng hẹn gặp bạn mới quen trên MXH theo giới tính

Tỷ lệ đã từng hẹn gặp bạn mới quen trên MXH theo giới tính



6.

6.3

6.3.2

Phân tích trong nhóm những người đã từng hẹn gặp bạn quen qua MXH cho thấy rất nhiều người quyết định hẹn gặp khi cảm thấy tin tưởng người bạn mới quen trên MXH (46.6%) hoặc đơn giản vì cảm thấy tò mò (41%). Có đến 30.9% cho biết họ không cân nhắc hay suy nghĩ gì nhiều khi quyết định hẹn gặp, đơn giản chỉ vì họ cảm thấy thích thú với việc làm quen và gặp gỡ bạn mới. 10.7% quyết định hẹn gặp vì lời mời của người bạn mới hấp dẫn với họ. Đáng lưu ý, có **3.4% đã từng bị đe dọa, bị ép gặp mặt bởi người mới quen qua MXH.**

Không có nhiều sự khác biệt giữa hai nhóm nam và nữ, duy nhất lý do bạn bè khuyến khích cổ vũ dẫn đến quyết định gặp mặt cao hơn đáng kể trong nhóm nam khi so với nhóm nữ, có thể nhận thấy rằng, áp lực đồng đẳng trong việc kết bạn và gặp gỡ bạn trên mạng dường như nặng nề hơn trong nhóm nam.

Tuy nhiên khi phân tích theo nhóm dân tộc, có thể nhận thấy lý do quyết định gặp mặt do tin tưởng hoặc thích người bạn mới quen phổ biến hơn cả trong nhóm người Mông (55.8%) và người Thái (49.4%) khi so với nhóm các dân tộc khác (29.5%). Nhóm người Mông cho biết quyết định gặp mặt do lời mời của bạn mới hấp dẫn cao nhất (19.2%), trong khi lý do này ở hai nhóm Thái (8.6%) và khác (4.5%) thấp hơn đáng kể. Nhóm người Mông cũng là nhóm có tỷ lệ gặp mặt bạn mới quen qua MXH do bạn bè cổ vũ, khuyến khích (27.6%) cao hơn đáng kể khi so với nhóm người Thái (13.7%) và nhóm khác (21.9%). Sự khác biệt ở những lý do khác giữa các nhóm dân tộc là không đáng kể.

Bảng 6:

Lý do quyết định gặp mặt bạn quen trên MXH theo giới tính

Ghi chú: phân tích trong nhóm có hẹn gặp bạn quen qua MXH. Kiểm định Chi bình phương * : p < 0.05

	Nam (N=105)	Nữ (N=73)	Chung (N=178)
Không suy nghĩ nhiều, chỉ thấy thích gặp bạn mới	30.5%	31.5%	30.9%
Do thấy tin tưởng, thích người đó	49.5%	42.5%	46.6%
Do lời mời của người đó hấp dẫn	10.5%	11.0%	10.7%
Tò mò	39.0%	43.8%	41.0%
Bị đe dọa, ép gặp mặt bởi người đó	2.9%	4.1%	3.4%
Do bạn bè khuyến khích, cổ vũ *	27.6%	13.7%	21.9%

Bảng 7:

Lý do quyết định gặp mặt bạn quen trên MXH theo nhóm dân tộc

Ghi chú: phân tích trong nhóm có hẹn gặp bạn quen qua MXH. Kiểm định Chi bình phương * : p < 0.05

	Mông (N=52)	Thái (N=81)	Khác (N=44)
Không suy nghĩ nhiều, chỉ thấy thích gặp bạn mới	23.1%	35.8%	31.8%
Do thấy tin tưởng, thích người đó*	55.8%	49.4%	29.5%
Do lời mời của người đó hấp dẫn*	19.2%	8.6%	4.5%
Tò mò	36.5%	44.4%	40.9%
Bị đe dọa, ép gặp mặt bởi người đó	5.8%	1.2%	4.5%
Do bạn bè khuyến khích, cổ vũ *	32.7%	21.0%	11.4%

6.

6.3

6.3.2

Trong số những người đã từng hẹn gặp bạn quen qua MXH (N=171), có đến 12.9% (16.3% nam, 8.2% nữ) cho biết họ không chia sẻ, kể với một ai khác về trải nghiệm này của họ. Với những người còn lại (N=149), thông thường, đa phần họ sẽ lựa chọn kể cho bạn thân của mình biết về việc hẹn gặp bạn mới quen qua MXH (80.5%). 45% cho biết họ chia sẻ điều này với anh, chị, em ruột của mình. 28.2% chia sẻ với cha mẹ, 17.4% kể với bạn bè. Chỉ một tỷ lệ nhỏ (5.4%) cho biết họ kể cho giáo viên của mình về việc hẹn gặp bạn quen qua MXH.

Bảng 8:

	Nam (N=82)	Nữ (N=67)	Chung (N=149)
Chia sẻ với ai khi đi gặp bạn mới quen qua MXH theo giới tính			
Bạn thân	76.8%	85.1%	80.5%
Bạn bè khác	17.1%	17.9%	17.4%
Anh, chị, em ruột	45.1%	44.8%	45.0%
Cha, mẹ	30.5%	25.4%	28.2%
Người thân khác	7.3%	0.0%	4.0%
Giáo viên	4.9%	6.0%	5.4%

Có 2.9% người dùng MXH cho biết họ không biết nên làm gì, xử trí ra sao khi cảm thấy không hài lòng hay khó chịu sau khi kết nối và trò chuyện với một người bạn mới trên MXH. Phân tích cụ thể hơn với những cách xử lý phổ biến khi gặp phải tình huống này cho thấy 60% người sử dụng MXH cho biết họ lựa chọn huỷ kết bạn, 40% sẽ chặn (block) tài khoản đó, 39.4% lựa chọn phớt lờ, im lặng, không tiếp tục nói chuyện với người đó. Một tỷ lệ nhỏ hơn, có thể trong trường hợp sự quấy rối của người bạn mới hoặc vấn đề nghiêm trọng hơn, người sử dụng MXH trong nghiên cứu này cho biết họ có thể lựa chọn báo cáo vi phạm (6.1%), nhờ sự can thiệp của bạn bè khác trên mạng (4.1%), hoặc đăng bài cảnh báo về tài khoản quấy rối đó (4.1%).

Bảng 9:

	Nam (N=178)	Nữ (N=137)	Chung (N=315)
Ứng xử khi không hài lòng với bạn mới quen trên MXH theo giới tính			
Huỷ kết bạn **	53.9%	67.9%	60.0%
Chặn (block)	38.2%	42.3%	40.0%
Báo cáo vi phạm	6.3%	5.8%	6.1%
Phớt lờ, im lặng	36.0%	43.8%	39.4%
Nhờ sự can thiệp của các bạn khác	4.5%	3.6%	4.1%
Đăng bài cảnh báo trên trang cá nhân	4.5%	3.6%	4.1%

Ghi chú: phân tích trong nhóm có sử dụng MXH. Kiểm định Chi bình phương **:p<0.01

Quấy rối, bắt nạt, lừa đảo môi giới việc làm và những liên hệ đến nguy cơ trở thành nạn nhân mua bán người

Những nguy cơ tiềm ẩn với người mới kết nối trên MXH là rất đáng chú ý, đặc biệt trong khi người dùng MXH còn đang ở độ tuổi rất trẻ. 66.8% người dùng MXH cho biết họ đã từng được bạn mới quen trên mạng tỏ tình, gợi ý trở thành người yêu (61.5% nam, 73.4% nữ). 43.5% đã từng được mời/ rủ gặp gỡ bên ngoài (38% nam, 50.3% nữ). Ở cả hai trải nghiệm này, nhóm nữ cho thấy họ thường xuyên gặp phải hơn đáng kể so với nhóm nam. Chia sẻ của một số học sinh nữ tham gia vào TLN và PVS cũng cho thấy tình trạng này xảy ra khá phổ biến với người dùng MXH là nữ, đặc biệt là thiếu nữ DTTS. Ví dụ như câu chuyện của bạn học sinh nữ người dân tộc Mông ở Hà Giang:

Bạn quen qua mạng nhắn tin hỏi cuộc sống “lấy anh đi, về làm chủ nhà trọ”, người Hà Giang, thấy không đáng tin nên em đã hủy kết bạn, em không kể chuyện đó với ai. Anh này đi du lịch qua và đề nghị gặp mặt, em đã từ chối nhưng anh năn nỉ nên vẫn gặp và nói chuyện với nhau. Bây giờ vẫn nhắn tin nói chuyện nhưng ít. (TLN HS PTTH, Hà Giang)

HS

Có đến 30.7% cho biết đã từng bị người mới quen trên MXH yêu cầu gửi hình ảnh nhạy cảm, riêng tư, trong số này 7.1% cho biết thường xuyên nhận được những lời yêu cầu như vậy. Đáng lưu ý hơn, có 7.8% cho biết đã từng bị dụ dỗ quan hệ tình dục bởi người mới quen qua MXH.

Em gặp trường hợp họ nhắn tin, gửi hình ảnh nhạy cảm 2, 3 lần rồi đấy, lúc đấy em hủy kết bạn và chặn họ luôn. Người đấy chỉ nhắn tin chào, xong em nhắn tin chào lại, xong người đấy gửi hình ảnh bậy bạ thế là em hủy kết bạn luôn. Những người đấy là người Kinh và không ở trong danh sách bạn bè trên mạng xã hội của em. (Nữ, 17 tuổi, dân tộc Mông, TLN thanh thiếu niên cộng đồng, Lào Cai)

TTN

Một hôm em đang chơi lướt Facebook đấy thì có một người gửi cái hình ảnh gì nhờ, nhạy cảm. Kiểu như là có kiểu khiêu khích tục tĩu đấy. Xong rồi em hủy kết bạn, chặn luôn... Em cho các bạn trong phòng xem ạ. (TLN HS THPT, Điện Biên)

HS

6.

6.3

6.3.3

Với các em học sinh trong độ tuổi thanh thiếu niên, nhiều em bắt đầu có nhu cầu tìm kiếm thông tin cơ hội việc làm, vì thế các em có thể không phòng bị khi kết nối với những người lạ, những nhóm hội trên mạng có đăng tải những thông tin về việc làm hay các cơ hội kiếm tiền. Có 24% người sử dụng MXH trong nghiên cứu này cho biết họ đã từng nhận được lời mời, giới thiệu việc làm tại tỉnh/ thành hay nước khác, cơ hội kiếm tiền và thay đổi cuộc sống bởi người quen trên mạng.

HS

HS Nam: Người lạ nhắn tin dụ dỗ bỏ học đi làm, người đó có bạn chung trên Facebook luôn. Ban đầu nhắn tin trò chuyện, quan tâm, hỏi địa chỉ nhà. Sau nói với em là bản thân nghiện ma túy, nên em từ chối và chặn luôn. (TLN HS PTTH, Hà Giang)

Với học sinh nam trong TLN, có người cho biết đã từng gặp tình huống tìm việc làm trên mạng nhưng thực tế không diễn ra suôn sẻ như những lời hứa ban đầu mà người đăng thông tin việc làm cung cấp, may mắn rằng trường hợp này chưa dẫn đến hậu quả nghiêm trọng.

HS

Thì cũng kết bạn Facebook, lúc đầu thì bảo là đi làm thợ xây nhưng mà xong cuối cùng đi làm, lúc đi làm thì không phải là công việc đấy mà đi làm công việc khác nên là em sợ em không đi. (Bạn em có đi) Nhưng mà em có bạn em bảo là công việc đấy không phải là công việc đó, cũng không biết công việc chính của họ phải làm gì nữa, bạn ấy đi được hai ngày là cũng bảo là không có việc, nhưng mà lúc đấy người ta làm việc đấy, nhưng mà bảo là làm ở đâu, mà không có việc, thế là bạn ấy trốn về luôn. (TLN HS THPT Điện Biên)

Bên cạnh những nguy cơ online, còn có những nguy cơ offline đến từ những mối quan hệ quen biết có sẵn. Những nguy cơ này đến từ việc giới thiệu bạn bè, giới thiệu việc làm thông qua các mối quan hệ bạn bè, họ hàng, hoặc người quen đang sinh sống hoặc có công việc, thông tin công việc ở nơi khác.

Theo chia sẻ của các em học sinh PTTH, đặc biệt là các em học sinh nam, thông qua các mối quan hệ họ hàng, người quen, các em có thể được giới thiệu làm thêm vào các kỳ nghỉ hè, hoặc thậm chí nghỉ học một thời gian để đi làm thêm kiếm thu nhập ngắn hạn tại trung tâm thị trấn, các tỉnh lân cận hoặc thành phố lớn.

HS

Em (đã từng) bỏ học đi xuống Hà Nội làm được nửa năm... làm phụ xây... có những bạn chỉ học hết lớp chín thôi nhưng mà người ta xuống làm rồi. Gặp những người anh đã đi làm giới thiệu cho, cũng không hẳn là rủ thì bảo là đi làm với tao không, thế thì mấy đứa bạn em cũng tình nguyện đi thôi. Bảo thôi thì tao cũng lười học, anh ấy bảo xuống làm thì bây giờ đi theo thôi. (Những người bạn đấy là có hỏi bố mẹ hay là như thế nào không?) Có đồng ý các bạn ấy mới xuống. (TLN HS THPT, Điện Biên)

6.

6.3

6.3.3

Những nguy cơ với việc lừa đảo việc làm, lừa đảo tình cảm trên MXH dường như rõ rệt hơn trong nhóm thanh thiếu niên trong cộng đồng, do nhóm này có xu hướng đã nghỉ học, hoặc đang có nhu cầu tìm kiếm công việc tạo thu nhập.

TLN với thanh thiếu niên trong cộng đồng ở Điện Biên cho thấy đa phần họ dựa vào các mối quan hệ quen biết, họ hàng, những người đã có công việc hoặc có kết nối với chủ lao động ở tỉnh thành khác để tìm kiếm cơ hội việc làm. Hoặc họ tham gia vào những nhóm lao động tự do, có thể gọi nhau đi làm mỗi khi chủ lao động có nhu cầu.

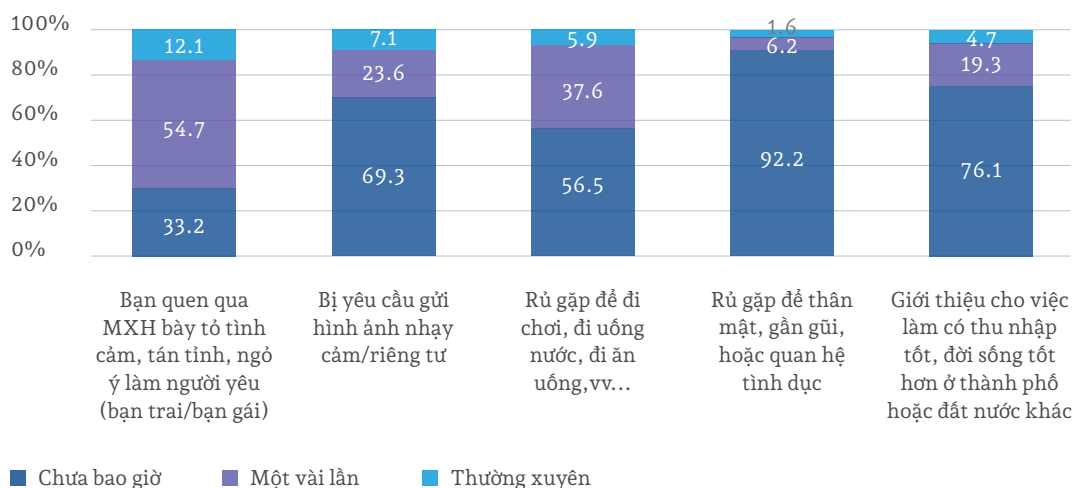
Hồi em đi làm lần đầu tiên thì bên anh rể thì em đi cùng anh rể. Công việc thì đi làm gạch ở Hưng Yên. Mình làm đến Tết thì em nghỉ xong sau Tết em lại xuống tìm công việc khác làm.

Đi ở dưới Hà Nội thôi, đi làm nhà hàng, vì ở trên này nó rẻ lắm, một tháng có khi được vài triệu thôi. Thế là mình đi làm ở dưới Hà Nội à, Làm tầm một hai tháng. Là bạn bè giới thiệu cho.

(TLN thanh thiếu niên cộng đồng, Điện Biên)

TTN

Trải nghiệm với người quen qua MXH



Biểu đồ 13:

Trải nghiệm với những rủi ro trên MXH

Khi phân tích theo nhóm giới tính, có thể nhận thấy nhóm nữ là nhóm có tỷ lệ trải nghiệm với việc có một ai đó mới quen qua MXH gợi ý trở thành người yêu, bạn gái cao hơn đáng kể khi so với nhóm nam. Cụ thể là ở nhóm nữ, có đến 73.4% đã gặp phải tình huống này, trong đó có 16.8% thường xuyên được tỏ tình, gợi ý làm bạn gái; trong khi tỷ lệ này ở nhóm nam là 61.5 có gặp (trong đó 8.4% thường xuyên gặp).

Cách thức tội phạm mua bán người tiếp cận, tạo niềm tin và lừa nạn nhân tiềm năng

Mối liên hệ từ những nguy cơ kể trên với nguy cơ trở thành nạn nhân của mua bán người trên không gian mạng cũng được người tham gia trong nghiên cứu liệt kê và thảo luận. Theo nhìn nhận của hầu hết người tham gia, thông qua nhiều hình thức tiếp cận khác nhau, cả trên mạng (MXH, phần mềm trò chuyện) và các quan hệ trực tiếp, tội phạm buôn người có thể tiếp cận đến nạn nhân, tạo dựng lòng tin, đưa ra các lời hứa hẹn về tình cảm, hôn nhân, hay cơ hội sinh kế, để từ đó thực hiện hành vi mua bán người. Có rất nhiều câu chuyện được chia sẻ trong TLN và PVS xảy ra với thanh thiếu niên DTTS trở thành nạn nhân của mua bán người bởi tội phạm chính từ những mối quan hệ quen biết cả trực tiếp và gián tiếp.

Thanh thiếu niên cộng đồng mô tả rất rõ về những hình thức lợi dụng tình cảm có thể xảy ra với các nạn nhân nữ.

*...Ban đầu là người yêu ở Bắc Hà, xong là rủ bạn ấy đi làm việc, xong là bạn ấy đi.
(TLN thanh thiếu niên cộng đồng, Lào Cai)*

*Chị gái của mình cũng bị lừa đảo một lần rồi đấy. Chị ấy ở Cao Bằng, xong rồi có một anh kiểu là nick của người ngoài đấy, của người nước ngoài đấy thì lại lừa đảo bảo là thích chị ấy, bảo là muốn, chưa nhìn thấy chị ấy đẹp thế bao giờ thế xong bảo để về nước để mua nhà, mua các thứ đồ cho chị ấy ạ, xong rồi gửi tiền gửi cái gì cho chị ấy nhiều thấy bảo thế, xong rồi bảo chị ấy gửi cho mấy chục triệu đấy, chị ấy cũng tin và gửi cho. Bị mất hơn bảy chục triệu đấy. Chuyển khoản. Sau biết bị lừa, bảo là báo công an rồi nhưng mà công an không làm gì biết.
(TLN thanh thiếu niên cộng đồng, Điện Biên)*

TTN

Có những trường hợp nếu mà thông qua mạng xã hội, trò chuyện ở trên các cái mạng xã hội xong tin tưởng nhau rồi hẹn nhau ngoài chợ các thứ, gặp nhau vài lần là người ta tạo được cái lòng tin, người ta kể cả là rủ đi đâu các thứ thì vẫn là đi, đi chợ phiên các thứ tán tỉnh nhau, xong bắt đầu rủ nhau đi các chợ khu vực biên giới, rồi đến lúc mà nạn nhân mất cảnh giác thì lúc đấy đem bán cho các đối tượng lúc nào không rõ. (PVS Công An, Hà Giang)

CA

6.

Nhóm thanh thiếu niên cộng đồng đưa ra một số minh họa cụ thể hơn cho những cách thức mà tội phạm mua bán người có thể lôi kéo, lừa nạn nhân thông qua các cơ hội việc làm, kết nối lao động.

6.3

6.3.4

CA

*Thông qua giới thiệu việc làm, rủ đi lao động trái phép sang Trung Quốc này, sau đó là đem nạn nhân đi bán. Các đối tượng thì sử dụng cái gọi là lời nói để thuyết phục đấy, họ đánh vào tâm lý của các nạn nhân để khi nạn nhân tuyệt đối tin tưởng sẽ rất là dễ dàng để đưa các nạn nhân này đi mua bán cũng như là đưa đi khỏi khu vực địa bàn, đến khu vực biên giới bán cho các đối tượng bên kia....
(PVS Công An, Hà Giang)*

TTN

Ở trên mạng hay có kiểu lừa đảo việc làm, lừa đảo làm giàu, em đọc được mấy bài báo nên mình không bao giờ tin người lạ trên mạng. (TLN Thanh thiếu niên cộng đồng, Lào Cai)

TTN

Nếu mà có xuất khẩu lao động nếu mà có giấy tờ các thứ đấy, nếu mà đi có giấy tờ các kiểu hàng hoàng thì sang bên đấy thì, còn không có sang bên đấy thì sợ các kiểu, làm thì làm chui, có trường hợp là gặp cái người, bạn bè họ rủ nhau ba bốn người sang bên đấy làm, xong đến lúc là kiểu cảnh sát bắt lại thì bắt lại thì giam giữ, đánh đập. (TLN thanh thiếu niên cộng đồng, Điện Biên)

Những người nạn nhân thường bị thuyết phục bởi sự quan tâm, đối xử ân cần, tạo lòng tin của tội phạm mua bán người. Hoặc trong nhiều trường hợp, việc lừa đảo lại được gây ra bởi chính người thân, người quen hoặc mối quan hệ có sẵn, khiến nạn nhân không có sự phòng bị và sẵn sàng đặt niềm tin vào những hứa hẹn của chúng.

TTN

Họ sẽ rất tốt với mình và vừa mới quen mình đấy thì là họ đối xử tốt, họ đưa mình đi ăn, đầu tiên thì họ sẽ tạo cho mình cảm giác an toàn trước đã, rồi sau đó người ta sẽ dẫn mình đi chơi, mình thích cái gì là người ta chiều hết, xong lúc nào mình cảm giác như là mình tin tưởng người ta thì người ta sẽ ngược lại với mình. (PVS Thanh thiếu niên nữ, Lào Cai)

TTN

*Những người quen người nhà bạn bè có ai về hỏi chị làm không thì là nếu mà không biết thì mình cũng không đi, nếu mà đã biết người này thì là mình đi cũng được, mình cũng chả suy nghĩ mình thích thì mình đi, còn bảo không quen không biết thì lấy đâu ra mà đi. Ví dụ như người nhà mình thì mình cũng tin, bảo là đi làm các thứ thì là mình cũng tin, không phải người nhà thì mình cũng chả tin. Là người quen là người thân thì mình mới đi.
(TLN thanh thiếu niên cộng đồng, Điện Biên)*

6.

Trong một số trường hợp, những người đã từng là nạn nhân trong quá khứ sau khi trở về địa phương, có thể đã mang lại sự thay đổi về kinh tế gia đình, đôi khi lại trở thành hình mẫu, động lực để những người khác học hỏi theo.

6.3

6.3.4

Thì có mấy chị cũng đi nhưng mà kiểu cũng về, đi thì một chị thì chưa chồng, chị cũng sinh 99 thôi, một chị thì tầm 93 thì là về nhưng mà bỏ chồng rồi, đi thì lúc đi thì ở quê thì nói chung thì da thì cũng đen thôi không được xinh gái, sau khi đi làm thể kia về thì kiểu cũng thay đổi khuôn mặt mũi này, cái gì cũng đi nâng, có thì đi làm không có thì thôi.... Thảm mỹ, để mình xinh mình đẹp. Lúc đấy họ đi như kiểu xong rồi mấy năm họ gửi tiền về.

(TLN thanh thiếu niên cộng đồng, Điện Biên)

TTN

TLN thanh thiếu niên trong cộng đồng cũng cho biết niềm tin của họ mặc định được đặt vào những mối quan hệ quen biết từ trước, người nhà khi trao đổi thông tin liên quan đến việc làm tại tỉnh thành khác.

Toàn ở đây là khuyến khích nhau đi làm cùng công ty, đi làm cùng nhau, ở cùng nhau, thế là ủng hộ nhau, rủ nhau chỗ này tốt lương cao thế, toàn ủng hộ nhau đi, còn rủ nhau đấy. Cái đấy chắc có bạn bè họ rủ nhau đi, ai được đi rồi thì rủ người kia đi. Cơ bản là bạn bè họ biết nhau xong họ rủ nhau đi đấy.

(TLN thanh thiếu niên cộng đồng, Điện Biên)

TTN

Hạn chế về các cơ hội việc làm tại địa phương, cơ hội phát triển kinh tế cá nhân, hộ gia đình cũng là tác nhân khiến cho thanh thiếu niên DTTS, đặc biệt là nam thanh niên dễ rơi vào nguy cơ trở thành nạn nhân của lừa, buôn bán lao động, di cư bất hợp pháp. Internet và MXH có thể mang lại nhiều thông tin, nhiều lời mời, cơ hội việc làm hấp dẫn, tuy nhiên thiếu kiến thức, kỹ năng phòng ngừa rủi ro, cũng như sự chuẩn bị, thanh thiếu niên DTTS có thể dễ dàng tin tưởng vào những hứa hẹn thu nhập cao, thay đổi cuộc đời mà trở thành nạn nhân của những hành vi lừa đảo, mua bán người, hoặc bị bóc lột sức lao động kể cả trước và sau khi di chuyển khỏi địa bàn.

Trước kia mình cũng bị, trước còn đang đi học đấy thì cũng gặp một cái trường hợp có người là giới thiệu cho mình công việc nhưng gần như là không nói rõ công việc là gì, chỉ giới thiệu là mình có thích tiền không, đấy trường hợp đấy, sau này mình mới biết ra là lừa đảo, nó rủ mình đến tận nhà mình luôn, ăn cơm với mình rủ mình đi uống nước luôn nhưng mà mình thấy là không khả thi cho nên là mình bỏ. (PVS Nam thanh niên, Lào Cai)

TTN

6.

6.3

6.3.4

CA

Nói chung thanh niên ở trong này cái thời buổi bây giờ thì người ta cũng ít phụ thuộc vào ruộng nương đấy, cho nên về người ta cũng chả ai thích làm nương dâu, chủ yếu là nếu mà đi xong đi về xong là ví dụ như năm nay đi về xong là sang năm ăn tết xong là người ta lại đi tiếp. Đi sang bên đấy lao động chui, không có cái hợp đồng, đến lúc mà người ta không sử dụng nữa người ta đuổi về thì lúc đấy người ta thậm chí không trả tiền công đâu... thậm chí trong quá trình lao động có thể xảy ra tai nạn lao động thì chủ sử dụng lao động ở bên đấy cũng không có một cái trách nhiệm gì đối với người lao động. (PVS Công an, Hà Giang)

Theo nhận định chung của nhiều người tham gia, đối tượng của nguy cơ mua bán người với mục đích bóc lột lao động thường là tập trung nhiều vào học sinh và thanh thiếu niên nam, trong khi học sinh và thanh thiếu niên nữ thường có nguy cơ trở thành nạn nhân của mua bán người theo hình thức lừa tình cảm, hôn nhân.

GV

Ở trên này thì có một cái đặc điểm là đặc thù là dân tộc thiểu số đấy nên là nhiều em nữ đấy thì, bởi vì là các em thật thà thì nhiều em hay cả tin, thế nên dẫn đến một vấn đề là khi sử dụng các cái mạng xã hội như, hoặc là có người làm quen đấy nhiều em sẵn sàng làm quen ngay, và nhiều em đấy thì đã trở thành nạn nhân (PVS GV PTTH, Hà Giang)

NTT

Như thời điểm hiện tại thì các hộ gia đình với cả con cháu thì cứ học hết lớp chín xong là toàn đi làm nhiều, ngày trước thì là còn có đi học hết cấp ba, nhưng bây giờ đi học xong là cũng thấy đi làm có tiền về, nhiều cái thì cũng chưa đến độ tuổi lao động, như mười bốn mười lăm tuổi đang học lớp chín thì đi xuống dưới, cũng nguy cơ lớn nhất hiện tại anh chỉ sợ là về mua bán người, bởi vì là do nhận thức của các cháu thanh thiếu niên thì còn nhỏ chưa nhận thức được đầy đủ, mà hai nữa là mình thì là ở vùng sâu vùng xa xuống thấy người ta bảo là có thể là lợi dụng tiền lương cao hoặc là nhiều tiền thì có thể là bị lừa vào các ổ nhóm như gái mại dâm chẳng hạn hoặc là bị lừa bán sang nước ngoài, đấy, con trai thì có thể cũng có thể là bị lừa bóc lột sức lao động, nó bán sang nước ngoài để bóc lột sức lao động. (PVS Người thạo tin, Điện Biên)

6.

6.4

Nhận thức, thái độ và trải nghiệm thực tế đối với những nguy cơ, rủi ro liên quan đến mua bán người tại địa phương

6.4.1

Hiểu biết về nguy cơ

Có rất nhiều câu chuyện kể hoặc thông tin truyền miệng về những trường hợp mua bán người, những nguy cơ có thể xảy ra đối với người dân cộng đồng. Người tham gia trong nghiên cứu đã nhắc đến những trường hợp mà họ nghe đến về nguy cơ bị buôn người, bắt cóc có thể xảy ra với nạn nhân ở mọi lứa tuổi, từ trẻ em đến thanh thiếu niên và cả người lớn tuổi, và bị buôn bán với nhiều mục đích từ hôn nhân, bóc lột sức lao động, bóc lột tình dục, hay cả buôn bán trẻ em, buôn bán nội tạng.

TLN thanh niên ở Hà Giang đã liệt kê một số trường hợp mua bán người đã từng xảy ra tại địa phương mà người tham gia đã từng nghe, biết đến. Nhìn chung, theo nhận định của thanh thiếu niên trong cộng đồng, nguy cơ trở thành nạn nhân của mua bán người có thể xảy đến với bất kỳ ai nếu như người đó không có đủ hiểu biết và kỹ năng phát hiện và ứng phó với tội phạm buôn người. Cụ thể là, khi được hỏi về những người có nguy cơ và các tình huống có thể dẫn đến việc lừa mua bán người, người tham gia trong cả nghiên cứu định tính và điều tra định lượng đều liệt kê được những người có thể có nguy cơ trở thành nạn nhân cao hơn:

Các trường hợp lừa lao động:

- Bị lừa đi làm tại quán ăn nhưng thành ra là làm ở hộp đêm, karaoke: đã xảy ra trường hợp đó ở địa phương. Ng đó bị tịch thu điện thoại và được giới thiệu đi làm bởi người của uỷ ban xã. Thường học hết lớp 9.

- Người Nùng người Giáy đi học cao hơn nên ít bị lừa hơn người Mông. Người Mông ngại va chạm với bên ngoài.

- Đối tượng đi lừa: có thể là ng trong nhà. Nam bị lừa chưa thấy, chỉ thấy nữ bị lừa.

- Bối cảnh lừa: hỏi đường, chợ tình, người yêu, anh em trong nhà lừa nhau. (TLN Thanh Niên cộng đồng, Hà Giang)

TTN

Tương tự, các em học sinh ở độ tuổi nhỏ hơn (lớp 6,7 THCS) cũng liệt kê đặc điểm của những người có thể có nguy cơ trở thành nạn nhân của mua bán người thường tập trung hơn vào các nhóm như “trẻ em trai, trẻ em gái, học sinh” và những đặc điểm có thể là nhận dạng của tội phạm mua bán người thường rất đa dạng, khó nhận định vì họ là những “người lạ, đi ô tô, xe sang, trông bình thường, có thể cũng là người quen của gia đình, hay thậm chí là người nhà”, hay sử dụng “tiền và hiện vật như điện thoại đắt tiền” để dụ dỗ nạn nhân. (TLN HS THCS, Hà Giang)

6.

Nhìn chung, trẻ em gái, nữ thanh thiếu niên, phụ nữ, và những người có hoàn cảnh kinh tế khó khăn thường được coi có nguy cơ cao hơn trở thành nạn nhân của mua bán người.

6.4

6.4.1

GV

Như bọn em tìm hiểu đây thì thấy rằng cái đối tượng này thường xuyên đánh vào điểm yếu, đặc biệt là những em, những người mà có hoàn cảnh khó khăn chẳng hạn, ví dụ đánh về kinh tế chẳng hạn, ví dụ như là lấy một tấm gương điển hình nào đấy thôi, sau đấy là rủ rê sang bên kia, sau đấy theo luôn. (PVS Giáo viên, Hà Giang)

TTN

Bây giờ thì hầu như mấy cái bạn gái trẻ đấy, nó hay dùng Facebook, Zalo suốt ngày đấy xong là cứ suốt ngày có người gọi điện nhắn tin đấy, các kiểu lừa đi ra ngoài gặp các kiểu, có người nó đưa đi luôn, có người nó lừa đi bán luôn đấy... Vì các bạn ấy dễ tin... Có người thì dễ tin quá xong là cứ thấy ai gọi cũng toàn thấy nghe máy thế này thì có ngày, ở chỗ chị thì chả có người là có một bạn gái làm gần tối rồi xong là thay quần áo xong là chắc người đấy bảo là, lừa đang lừa bảo làm người yêu đấy xong là bảo ra gặp, gặp xong là chở đi bán luôn. (PVS Thanh niên nữ, Hà Giang)

Thậm chí, những nguy cơ với các em học sinh nhỏ tuổi còn được kể lại dựa trên chính trải nghiệm thực tế của người tham gia. Ví dụ một số trường hợp kể lại hiện tượng bắt cóc đã từng xảy ra bất thành trong quá khứ.

HS

Em, lúc đấy là em, lúc đấy em cảm giác em suýt bị bắt cóc. Có hai người đang đi ngược chiều với em, với bố em thì đang đi đằng sau, chỗ đấy là huyện Tuần Giáo, thì cái lúc đấy có nhiều người hai người đẩy bế em lên, thế là khóc xong rồi là kiểu không thấy bố em ở đằng sau đấy, đến lúc mà thấy bố em thì họ mới thả em xuống. Khoảng một năm trước, lớp sáu hồi đấy em còn, em chỉ giật mình một cái em xuống là nhìn thấy bố em đằng sau luôn. (TLN THCS, Điện Biên)

Tương đồng với phát hiện từ TLN và PVS, theo nhận định của người tham gia trong điều tra định lượng, trẻ em gái, nữ thanh thiếu niên, người nghèo và người thất nghiệp, theo thứ tự là những nhóm có nguy cơ trở thành nạn nhân cao hơn cả.

Người tham gia là nữ dường như có nhận định nguy cơ đối với những nhóm này cao hơn hẳn so với nhận định của người tham gia là nam.

6.

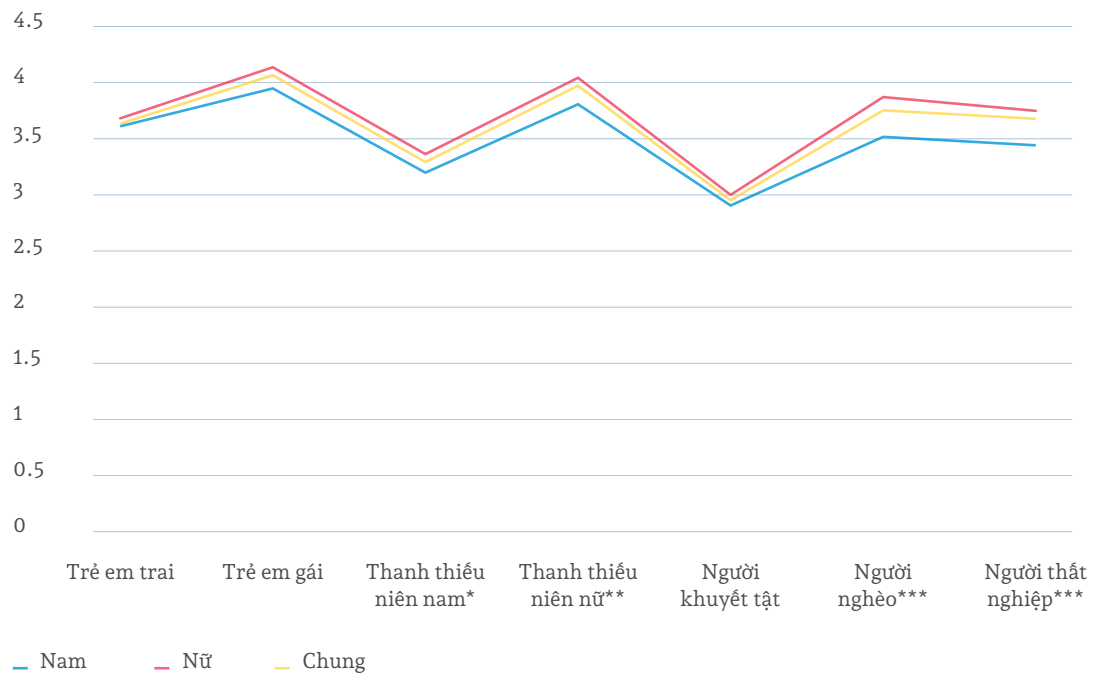
6.4

6.4.1

Biểu đồ 14:

Đánh giá mức độ nguy cơ trở thành nạn nhân của mua bán người theo giới tính

Đánh giá mức độ nguy cơ trở thành nạn nhân của mua bán người theo giới tính



Phân tích về nhận định của người tham gia đối với việc xác định rủi ro, nhận dạng những người có thể là tội phạm mua bán người cho thấy, đa phần thanh thiếu niên DTTS tham gia vào nghiên cứu cho rằng những đối tượng này thường là những người lạ, không ở địa phương (72.6%), những người lạ làm quen trên mạng (66%), người có nhiều tiền án, tiền sự (61.8%), người lạ gặp ở quán nước, bến xe (52.3%), những người giới thiệu việc làm (65.4%), hay những người mới đi làm ăn xa về địa phương (54.1%). Khi phân tích theo giới tính, có thể nhận thấy tâm lý đề phòng, cảnh giác của nhóm nữ cao hơn đáng kể so với nhóm nam, đặc biệt đối với những nhận định về người có nhiều tiền án, người lạ mặt, gặp ở bến xe, quán nước, người giới thiệu việc làm và người đi làm ăn xa trở về.

6.

6.4

6.4.1

Bảng 10:

Nhận định về những người có thể là tội phạm mua bán người theo giới tính

Ghi chú: Kiểm định Chi bình phương *: $p < 0.05$, **: $p < 0.01$, ***: $p < 0.001$

Những người sau đây có thể là đối tượng (tội phạm) mua bán người hay không?		Nam (N=233)	Nữ (N=388)	Chung (N=621)
Người lạ **	Không biết/Không trả lời	22.3%	21.1%	21.6%
	Không thể	9.4%	3.6%	5.8%
	Có thể	68.2%	75.3%	72.6%
Người quen/ họ hàng/bạn bè/ hàng xóm	Không biết/Không trả lời	36.9%	35.6%	36.1%
	Không thể	29.6%	23.7%	25.9%
	Có thể	33.5%	40.7%	38.0%
Người lạ, quen trên mạng	Không biết/Không trả lời	23.2%	24.2%	23.8%
	Không thể	13.3%	8.2%	10.1%
	Có thể	63.5%	67.5%	66.0%
Người có nhiều tiền án tiền sự***	Không biết/Không trả lời	28.3%	27.8%	28.0%
	Không thể	15.9%	6.7%	10.1%
	Có thể	55.8%	65.5%	61.8%
Người mới đi làm ăn ở xa về *	Không biết/Không trả lời	42.5%	39.7%	40.7%
	Không thể	18.5%	11.6%	14.2%
	Có thể	39.1%	48.7%	45.1%
Người gặp ở bến xe, quán nước **	Không biết/Không trả lời	36.5%	34.0%	34.9%
	Không thể	17.6%	9.8%	12.7%
	Có thể	45.9%	56.2%	52.3%
Người giới thiệu việc làm*	Không biết/Không trả lời	27.5%	22.2%	24.2%
	Không thể	13.3%	8.8%	10.5%
	Có thể	59.2%	69.1%	65.4%

Hiểu biết và định nghĩa không đồng nhất về “nạn nhân mua bán người”

Với hầu hết người tham gia, cách hiểu và định nghĩa “nạn nhân” của mua bán người, trường hợp nào thì được coi là bị bán, trường hợp nào chỉ được coi là lựa chọn sai lầm của người lao động hoặc cô dâu còn rất mù mờ. Một số trường hợp được kể lại trong các TLN và PVS cho thấy mua bán người và những tình huống liên quan có xảy đến tại cộng đồng hoặc những người rất gần, tuy nhiên do sự việc không mang lại hậu quả nghiêm trọng theo như đánh giá của họ, nên những người liên quan trong các câu chuyện gần như không coi đó là nạn nhân hay là tội phạm. Ví dụ như nhiều trường hợp bị lừa bán sang Trung Quốc hoặc các nước khác để kết hôn, tuy nhiên sau nhiều năm sinh sống tại nước ngoài, người phụ nữ đã ổn định cuộc sống và kinh tế, có thể trở về, thậm chí mang lại kinh tế tốt hơn cho gia đình. Khi đó bản thân họ và gia đình không coi mình là nạn nhân của mua bán người.

HS

Em biết câu chuyện xảy ra trong gia đình em (người dân tộc Mông), chị gái em là người bị buôn sang Trung Quốc vào năm 2015. Em cũng không biết vì sao chị em bị như vậy, chỉ biết Là lúc đầu thì cái kiểu như là cái con gái con trai thì nó phải tán tỉnh nhau, kiểu như là bảo là đưa nó về nhà làm vợ chồng thì cũng đưa về nhà và đưa đi luôn, lúc đó chị 19 tuổi. Lúc đó chị cũng quen người đó qua mạng, Nó có điện thoại, số điện thoại, chơi qua Facebook và, thời đấy thì cũng chưa dùng Facebook lắm, cũng là quen qua Facebook xong xin số điện thoại. Bây giờ chị đang ở Trung Quốc, có chồng con và sống yên ổn ở bên đó rồi. Em có kết nối Facebook của chị nên em biết. Nhưng chị có chồng con ở bên đó rồi nên cũng không về nữa, từ lúc đi đến nay chị chưa về thăm nhà lần nào. (TLN HS THPT, Hà Giang)

HS

Em nghe từ bố mẹ em thôi. Bố mẹ em kể là người đấy chắc cũng là họ hàng bên em thôi, thì bố mẹ em kể bảo là bảo xuống Hà Nội làm thì hai chị em xuống Hà Nội làm thì chị thì dưới thì có công việc chắc đi làm công ty, chị đi làm công ty thì có công việc gần ổn định rồi thì có mang đứa em xuống theo thì dưới đấy gặp người quen thì, người quen qua mạng, chị bảo người quen qua mạng, em cũng chả biết, xong là xong một thời gian tán tỉnh trên mạng thì hẹn gặp nhau thì bây giờ, xong thì bảo đi uống cà phê sau thì họ lừa đi bán, bây giờ chị ở bên Trung Quốc thì bây giờ có chồng con bên đấy rồi. Chắc tầm khoảng mười năm rồi. Bây giờ chị ấy cũng về nhà được rồi, bây giờ cũng về thăm rồi. (TLN HS THPT, Điện Biên)

6.

Kể cả với góc nhìn của lãnh đạo địa phương, khi thanh thiếu niên rời địa phương đi làm ăn tại tỉnh thành khác theo quyết định và lựa chọn của bản thân thì dù trường hợp có xảy ra không theo mong muốn ban đầu, khó có thể coi họ là nạn nhân của buôn người.

6.4

6.4.2

CB

Ví dụ cơ bản là ví dụ nếu trẻ đi làm thuê thì trẻ cũng báo về cho gia đình, ví dụ làm ở địa điểm này, số điện thoại về cho gia đình, vẫn liên lạc được bình thường, còn trường hợp nào mà đi mà không liên lạc về cho gia đình thì lúc đấy thì gia đình cũng thấy lo thì có thể là về báo với xã, còn trường hợp mà ví dụ trẻ đi mà vẫn liên lạc được bình thường, gọi điện hàng ngày về cho gia đình thì nó cũng là đi làm bình thường thôi. Gia đình biết là các em đi làm ở chỗ này, hàng ngày gọi điện về cho gia đình, có thể là hàng tháng được tiền thì gửi về cho gia đình, còn ví dụ trường hợp mà đi mà mất tích không thấy liên lạc về cho gia đình thì gia đình có thể báo cho. (PVS Cán bộ chuyên trách, Điện Biên)

Với nhiều người dân địa phương, có thể một người đã từng là “nạn nhân” của mua bán người, tuy nhiên khi họ trở về và mang theo điều kiện kinh tế khá giả hơn cho gia đình của họ, đôi khi lại trở thành hình mẫu để những người khác mong muốn làm theo.

GV

Học sinh trường mình, thì con bé nó cũng ra trường rồi đấy, thì nó cái đứa đấy thì nó học cũng hơi yếu xong rồi nhà cũng xa xa nhưng mà mình thì mình cũng hay nói chuyện với nó, thì mình mới hỏi là bạn ấy là ở cùng bản em thì đi làm cái gì cái gì xong rồi chúng nó cũng kể mà bạn ấy đi làm dịch vụ xong rồi về cũng xây được nhà cho bố mẹ rồi, xong rồi mới đang xây nhưng chưa có tiền để sơn xong mua cái này cái kia, thì là cũng rủ em sang đấy làm... tức là đại bộ phận là nó muốn đi nó kiếm tiền chứ còn nó không phải là nạn nhân, nó còn muốn đi để nó kiếm tiền đấy. (PVS Giáo viên, Điện Biên)

6.

6.4

6.4.3

Phòng ngừa rủi ro trên mxh của học sinh và thanh thiếu niên DTTS

Đối mặt với những nguy cơ tiềm ẩn cả trên mạng và ngoài cuộc sống, gia đình, nhà trường và các cơ quan chức năng tại địa phương đã phần nào nhận thức được tầm quan trọng của việc nâng cao nhận thức và trang bị cho con em mình những hiểu biết, kỹ năng nhận biết rủi ro và bảo vệ bản thân khỏi những tình huống có thể trở thành nạn nhân của mua bán người.

Giáo dục trong gia đình

9.8% người tham gia trong nghiên cứu định lượng cho biết trong gia đình, cha mẹ của họ không biết đến Internet và MXH, hoặc không quản lý hay theo dõi hoạt động trên mạng của con cái. Tỷ lệ cha mẹ không quản lý hay theo dõi hành vi trên mạng xã hội đối với con trai (14%) cao hơn đáng kể so với con gái (7.2%). Khi xét theo nhóm dân tộc, nhóm dân tộc Mông có tỷ lệ cho biết cha mẹ không quản lý hoặc không biết về việc con sử dụng MXH là 26.2%, cao hơn đáng kể so với hai nhóm dân tộc còn lại, 8.1% nhóm dân tộc Thái và 12% nhóm dân tộc khác.

Còn với các gia đình có áp dụng một hoặc nhiều hình thức quản lý, kiểm soát hoạt động trên Internet và MXH của con cái, hình thức kiểm soát, quản lý hoạt động trên Internet và mạng xã hội phổ biến được ghi nhận là hạn chế thời gian cho phép sử dụng điện thoại hoặc lên mạng của con cái (65.7%). Ngoài ra một tỷ lệ nhỏ người tham gia cho biết họ bị cha mẹ cấm, không cho phép sử dụng điện thoại (10.1%). Khi không cấm đoán, cha mẹ có thể kết bạn với con trên các MXH để theo dõi hoạt động của con (14.9%), hoặc ra quy định về những hạn chế nội dung con cái được đăng tải lên MXH (13%).

Bảng 11:

Hình thức quản lý, kiểm soát hoạt động trên MXH trong gia đình theo giới tính

	Nam (N=203)	Nữ (N=360)	Chung (N=563)
Cấm sử dụng điện thoại	11.3%	9.4%	10.1%
Hạn chế thời gian cho phép sử dụng điện thoại/lên mạng	64.0%	66.7%	65.7%
Ra quy định về nội dung được đăng tải lên mạng xã hội	11.3%	13.9%	13.0%
Kết bạn với con để quản lý hoạt động trên mạng xã hội của con	12.8%	16.1%	14.9%

6.

6.4

6.4.3

Đa phần cha mẹ của học sinh vùng cao hiện chưa tiếp cận đến MXH. “Đối với gia đình ở trên này thì, đối với gia đình ở trên huyện vùng cao này thì lượng phụ huynh sử dụng mạng xã hội thì rất ít, rất ít. (PVS GV THPT Mèo Vạc), nên việc nắm bắt được các hoạt động trên mạng cũng như quản lý, giám sát hoạt động trên mạng của con em là rất hạn chế. Tuy nhiên, với những gia đình ở gần trung tâm hơn, gia đình ở thị trấn, tỷ lệ phụ huynh có sử dụng các dịch vụ MXH cao hơn, việc kết nối giữa phụ huynh và giáo viên thông qua MXH cũng phổ biến hơn, nên sự trao đổi thông tin, kết hợp giáo dục, quản lý học sinh cũng thuận tiện hơn.

Nhận thức của bà con nhân dân ở trên này, trong các xóm xã đây thì cũng còn hạn chế, thứ hai là điều kiện kinh tế thì cũng còn khó khăn, cũng còn khó khăn, trong các xóm xã thì họ sử dụng điện thoại đơn giản, tức là để nghe gọi được thôi, thế còn cái điện thoại thông minh thì phần đa nhiều là các phụ huynh ở ngoài thị trấn này sẽ dùng nhiều, các trang mạng xã hội, thì phụ huynh cũng có kết nối với các thầy cô. Lượng phụ huynh có sử dụng tuy nhiên là ít. (PVS GV THPT, Hà Giang)

GV

Thanh thiếu niên tại địa phương cũng chia sẻ về những lời dặn dò, những hiểu biết được cha mẹ, người lớn trong cộng đồng truyền đạt cho con em mình. Mặc dù những lời khuyên răn, những hình thức dạy dỗ, bảo ban, quản lý con cái của các bậc cha mẹ DTTS còn rất chung chung, giản đơn, nhưng phần nào thể hiện được sự quan tâm, lo ngại của họ với nguy cơ con em mình có thể trở thành nạn nhân của mua bán người. Điều này cũng gợi ý rằng, kiến thức và kỹ năng của người dân cộng đồng với phòng chống mua bán người và mạng xã hội còn là khoảng trống rất lớn cho hoạt động tuyên truyền, giáo dục cộng đồng trong thời gian tới.

Thảo luận với thanh thiếu niên tại Khâu Vai cho thấy, thông thường cha mẹ dặn dò con em “đi chơi nhớ về sớm”, cần “cảnh giác ví dụ như rủ rê bất thường, nói ko giống như bình thường”. Những lời dặn dò của cha mẹ và giáo viên đối với các em học sinh ở độ tuổi nhỏ hơn cũng rất đơn giản:

HS

Có được nghe bố mẹ, thầy cô dặn dò: không được ăn kẹo, không đi chơi xa, không làm quen người lạ, người Trung Quốc. (TLN THCS, Hà Giang)

HS

Khi bà em dặn là khi ở nhà người lạ mà hỏi hỏi cái gì mà thông tin gia đình kỹ kỹ một tí thì bảo cháu không biết cháu không biết. Gặp người lạ họ cho gì không được lấy. (TLN HS THCS, Điện Biên)

HS

Thì ví dụ như là bố mẹ đọc một cái tin tức gì ở trên báo trên thời sự gì đấy thì bố mẹ cũng cảnh báo là kiểu sử dụng mạng Internet như vậy ở cái lứa tuổi này thì là nó kiểu với lại cái tâm lý của mình là nó chưa được suy nghĩ nó chưa trưởng thành đấy thì cũng phải đề phòng, ví dụ có một cái gì mà mình cảm thấy không an toàn thì phải bảo với bố mẹ cái gì đấy. (PVS HS Nữ THCS, Điện Biên)

6.

6.4

6.4.3

Nỗ lực của nhà trường và ban ngành tại địa phương

Với nhóm người tham gia hiện đang đi học, 15.8% cho biết hiện nhà trường không có quy định hay hạn chế cụ thể gì về việc sử dụng Internet và MXH của học sinh.

45.8% học sinh cho biết hiện nhà trường có những hình thức cấm hoặc hạn chế việc sử dụng điện thoại trong khuôn khổ nhà trường hoặc trong giờ lên lớp. 29.6% cho biết nhà trường hoặc giáo viên đã đưa ra những quy định về nội dung mà học sinh được phép hoặc không được phép đăng tải lên MXH. Những quy định này được ghi nhận ở địa bàn Điện Biên cao hơn đáng kể so với ở Hà Giang. Ngoài ra, 13.8% người tham gia cho biết giáo viên của họ kết nối với học sinh trên MXH để biết được hoạt động của học sinh trên những không gian này.

Trong bối cảnh các trường THCS và PTTH, thông thường, nhà trường có quy định không cho phép học sinh sử dụng điện thoại di động, có thể là cấm sử dụng trong giờ lên lớp, hoặc cấm sử dụng hoàn toàn trong phạm vi nhà trường.

Bảng 12:

Hình thức quản lý, kiểm soát hoạt động trên MXH của học sinh bởi nhà trường

	Điện Biên (N=315)	Hà Giang (N=262)	Chung (N=577)
Cấm sử dụng điện thoại trong trường/lớp ***	58.1%	30.9%	45.8%
Ra quy định về nội dung được đăng tải lên mạng xã hội***	38.6%	18.8%	29.6%
Kết bạn với học sinh để quản lý hoạt động trên mạng xã hội của học sinh	14.0%	13.5%	13.8%

*Kiểu cái vấn đề này đấy thì nhà trường cũng cấm các em nên các em không được mang điện thoại, không được mang điện thoại đến trường này, đến lớp với ở nhà, nhưng mà các em thì vẫn mang, mình không cấm hoàn toàn được đấy.
(PVS GV THCS, Hà Giang)*

GV

Hoặc như tại trường PTTH ở Lào Cai, nhà trường có quy định: Không được dùng điện thoại trong giờ học, ngoài giờ học vẫn được dùng. Buổi tối giờ tự học được sử dụng điện thoại để làm bài tập, không được dùng để lướt facebook và chơi game. Trong khi tại trường THCS việc sử dụng điện thoại di động không được quy định chặt chẽ, một số học sinh vẫn có thể sử dụng điện thoại để vào MXH hoặc chơi games trong giờ tự học.

Trên thực tế, việc giám sát, theo dõi hành vi sử dụng phương tiện công nghệ và các hoạt động trên mạng của học sinh là rất khó khăn và dường như không khả thi đối với giáo viên.

6.

6.4

6.4.3

GV

Đa phần ở bán trú hết, cái vấn đề về sử dụng Internet cũng nan giải lắm, thứ nhất là bây giờ các em mang điện thoại đến trường đấy, nhà trường cũng gọi hạn chế tối đa điện thoại ảnh hưởng đến việc học. Thứ hai là các em lên trên mạng để xem Facebook rồi là kết bạn, ngoài cái giờ sinh hoạt bán trú đấy giáo viên chủ nhiệm cũng tuyên truyền cho các em là không được kết bạn ở trên Facebook, rủ đi chơi thì không được đi chơi, với ví dụ như là những cái hình ảnh, những mẫu phim không trong sáng, hoặc những trang phim mang tính chất đồi trụy đấy là các em không được xem, nói chung mình chỉ tuyên truyền thôi, chứ còn cấm 100% thì không cấm được. (PVS Giáo viên, Hà Giang)

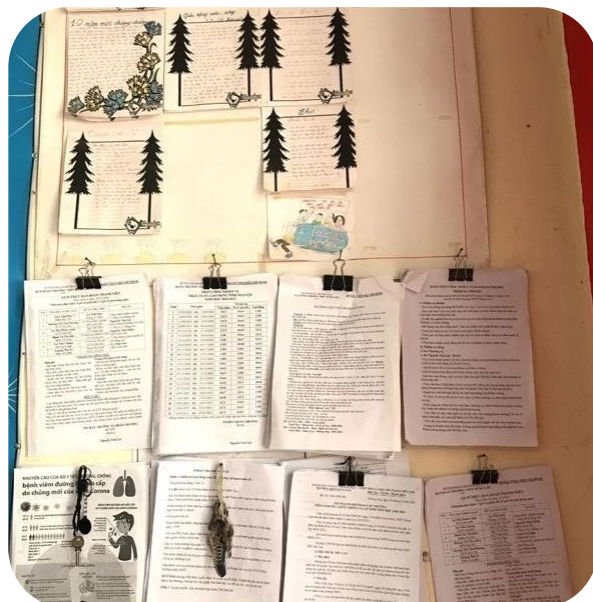
Trong trường hợp không thể cấm học sinh sử dụng điện thoại thông minh và MXH, nhà trường có những quy định về hạn chế việc đăng bài, chia sẻ thông tin trên mạng. Đồng thời, nhà trường tổ chức các hoạt động chính khóa và ngoại khóa nhằm tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho học sinh. Tuy nhiên nhận xét về hoạt động này, nhiều giáo viên cho biết nội dung và hình thức tuyên truyền còn hạn chế, chưa thật sự phong phú, sát với tình hình thực tế và nhu cầu của học sinh.

Về cơ bản thì nhà trường với các thầy cô cũng đã tuyên truyền, có những buổi tập huấn, hướng dẫn các em về các cái sử dụng mạng xã hội an toàn, trao đổi tuyên truyền với các em là không đăng các thông tin không phù hợp lên các trang mạng xã hội, ví dụ khi mà có các thông tin của các em đưa lên mà không phù hợp thì thầy cô cũng trao đổi với các em để các em hiểu ra vấn đề là mình không thể đăng các thông tin mà nó không phù hợp để lên các trang mạng xã hội đó. Bọn em chỉ tuyên truyền như là khi lên mạng thì không được nói xấu nhau, không được bôi nhọ, không bóc phốt nhau vân vân,... thỉnh thoảng sở cũng có văn bản chỉ đạo vào, ví dụ phòng chống về việc học sinh phát ngôn tự do trên mạng này, rồi là bên huyện đoàn cũng thỉnh thoảng có văn bản để thực hiện cái vấn đề này. (PVS Giáo viên, Hà Giang)

GV

Hình:

Bảng tin, báo tường tuyên truyền tại trường học ở Điện Biên



6.

6.4

6.4.3

Hành động của địa phương và trường học

Nhìn chung, ở các địa bàn nghiên cứu, những nỗ lực cụ thể liên quan đến phòng ngừa nguy cơ với mua bán người được triển khai thường tập trung vào hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức cho học sinh, thanh thiếu niên và người dân tại địa phương. Ở các trường học, hoạt động giáo dục và tuyên truyền thường được tổ chức dưới hình thức các hoạt động ngoại khóa theo chủ đề.

Hoặc hoạt động phát thanh, tuyên truyền thông qua hệ thống phát thanh của trường học, thông qua nội dung sinh hoạt trường, lớp vào các buổi chào cờ đầu tuần.

GV

Đối với của phòng chống mua bán người thì cũng tổ chức thứ nhất là, chính là hai cái cuộc thi về vẽ tranh, để xong là các em lên giới thiệu bức tranh này là nói về cái gì, mua bán người này, xong là phải đưa ra bài học như thế nào thì các bạn mới chấm điểm, đây, đây là cuộc thi tổ chức cho các lớp và có giải thưởng các loại, thứ hai là các buổi chào cờ thì bọn em có những nội dung này, thứ nhất là có văn nghệ này, thứ hai là có các bài tuyên truyền, sau đó mới nhận xét của các lớp, sau đó mới nhận xét của tổng phụ trách, xong là ban giám hiệu mới phát biểu, thì trong các buổi chào cờ bọn em thì các lớp có thể xây dựng bài tuyên truyền, cũng ngắn thôi chẳng hạn, khoảng tờ giấy A4 hoặc là nửa tờ giấy bài tuyên truyền... Thứ nhất về tuyên truyền là không hút thuốc này, rồi chống tảo hôn này, hoặc là về mua bán người này và cũng có, rồi từ đầu năm chào cờ là có các lớp là tự tìm hiểu xây dựng bài tuyên truyền (PVS Giáo viên, Điện Biên)

GV

Phát thanh măng non cũng có tuyên truyền... là học sinh tự chuẩn bị nội dung, chẳng hạn một tháng phát thanh một hai lần. Nói chung là các em phải hỗ trợ, thầy cô một phần thì các em, để viết một bài tuyên truyền thì cũng, đối với học sinh cấp hai và các em cũng, có thể các em dẫn được nhưng mà cái bài tuyên truyền đó nó không ấy và đều phải hỗ trợ thêm. Các thầy cô đa số là cũng thứ nhất là xem qua Internet, thứ hai là cũng tìm từ các trang thông tin điện tử của Hà Giang hoặc là những số liệu của ấy trên ấy về hiện trạng mua bán người chẳng hạn thế, phòng tránh, đa số là cũng không có, đa số các thầy cô cũng lấy ở trên mạng. (PVS Giáo viên, Hà Giang)

Tuyên truyền, giáo dục trong cộng đồng thường được lồng ghép vào kế hoạch chung của địa phương.

CA

Ở địa phương là hàng năm là bọn anh thường xây dựng các cái kế hoạch, các nội dung tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, rồi tức là các cái tin, sưu tập các cái tin mà viết về các cái vụ mua bán người để phối hợp với lại các ngành chuyên môn của xã, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể làm tốt công tác tuyên truyền cho nhân dân tại các thôn cũng như là tại các đơn vị trường học trên địa bàn. (PVS Công an, Hà Giang)

6.

6.4

6.4.3

Do là nội dung lồng ghép và không phải là nội dung trọng yếu, việc tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức về mua bán người thường được thực hiện ở mức độ thông tin chung chung, là một chủ đề nhỏ trong số nhiều chủ đề khác mà địa phương quan tâm. Hiện chưa có nhiều nội dung cụ thể, chi tiết về những rủi ro, nguy cơ trên mạng Internet hay các không gian MXH.

CA

Có kênh nào khác là mình lại tuyên truyền trực tiếp tại nhà trường đấy, thì lực lượng của mình ví dụ như bên lực lượng công an thì mình sẽ tuyên truyền giáo dục về pháp luật, liên quan đến về cái vi phạm pháp luật là chính như giao thông với lại mua bán người, đấy, ví dụ là bên ban ngành khác thì sẽ tuyên truyền về những luật khác, luật lao động ví dụ thế. (PVS Công an, Hà Giang)

Bên cạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, ở các địa phương đều đang thực hiện công tác nhận biết, giải cứu và hỗ trợ nạn nhân thông qua kết hợp trách nhiệm giữa chính quyền địa phương, công an, hội phụ nữ, và nhà trường.

Hình:

Bảng thông tin tổng đài quốc gia phòng chống mua bán người và xâm hại trẻ em tại Hà Giang



6.

6.4

6.4.3

Tự đánh giá mức độ an toàn trên MXH và nhu cầu nâng cao kỹ năng an toàn trên MXH của thanh thiếu niên DTTS

Tự đánh giá về mức độ an toàn trên MXH, 13.2% nhóm những người hiện đang sử dụng MXH cho biết họ không chắc, không biết thật sự mình có an toàn hay không an toàn trên mạng. 21.4% tự tin vào sự an toàn của mình trên MXH, và 10.7% cho rằng mình không an toàn trên mạng.

67.4% người dùng MXH cho biết họ cần được dạy về các cách phát hiện nguy cơ, 50% cho biết cần được dạy về cách đối phó với lừa đảo, bắt nạt trên mạng để có thể tự bảo vệ bản thân trên các không gian MXH. 43% cho biết họ cần được cung cấp các địa chỉ hỗ trợ, giải cứu khi gặp các vấn đề về lừa đảo, mua bán người, bắt nạt trên MXH. Một tỷ lệ nhỏ hơn, 29.7% cho rằng việc sử dụng MXH của thanh thiếu niên cần được giám sát và quản lý bởi cha mẹ, 13% cho biết việc sử dụng MXH của học sinh cần được giám sát và quản lý bởi giáo viên.

Bảng 13:

	Mông (N=104)	Thái (n=123)	Khác (N=89)	Chung (N=316)
Nhu cầu với kỹ năng an toàn trên MXH theo nhóm dân tộc				
Được dạy về cách phát hiện nguy cơ bị lừa đảo, bắt nạt trên mạng***	51.0%	74.0%	77.5%	67.4%
MXH Được giám sát, quản lý bởi cha mẹ**	37.5%	31.7%	18.0%	29.7%
MXH Được giám sát, quản lý bởi giáo viên*	20.2%	11.4%	6.7%	13.0%
Được dạy về kinh nghiệm đối phó với lừa đảo, bắt nạt trên mạng	43.3%	51.2%	57.3%	50.3%
Biết các địa chỉ hỗ trợ, giải cứu khi gặp vấn đề trên mạng*	47.1%	33.3%	51.7%	43.0%

Ghi chú: Kiểm định Chi bình phương
*: p<0.05, **: p<0.01, ***: p<0.001

6.

6.5

Nhu cầu và khuyến nghị từ ban ngành và người dân địa phương

Nhận định về sự cần thiết phải quản lý, giám sát việc sử dụng MXH của học sinh và thanh thiếu niên, đa phần giáo viên và phụ huynh cho biết việc quản lý và giám sát hành vi sử dụng MXH của học sinh và thanh thiếu niên là cần thiết để đảm bảo an toàn cho các em. Tuy nhiên, mức độ giám sát cũng như cách thức nào để giám sát hoạt động trên mạng của các em còn là vấn đề còn bàn cãi cho cả nhà trường và gia đình.

GV

Nếu như mà kiểm soát được các em sử dụng mạng xã hội, nếu như mà hướng các em xem các thông tin tích cực và các thông tin hữu ích thì rất là tốt, còn nếu như mà để các em dùng mà các em không định hướng được mà sử dụng các trang mạng xã hội một cách gọi là lạm dụng đấy thì nó sẽ rất ảnh hưởng đến tinh thần cũng như là sức khỏe của các em, có thể có những bạn sử dụng mạng xã hội như Facebook để các bạn xem phim, xem liên tục ở trên đây chẳng hạn, thì rất là ảnh hưởng đến sức khỏe của các em. (PVS Giáo viên, Hà Giang)

Các giáo viên cũng có nhu cầu hiểu biết hơn về sử dụng và an toàn trên MXH để có thể tự tin hơn trong công việc giảng dạy, tuyên truyền và bảo vệ học sinh, cũng như cho chính bản thân mình.

GV

Các thầy cô thì cũng có những kiến thức cơ bản thôi, còn như là để mà nâng cao hơn thì rất cần ạ, em nghĩ là về chẳng hạn như về Internet kể cả nhiều thầy cô bây giờ sử dụng thậm chí cả bản thân nhiều lúc cũng chưa biết là mình vào cái trang nào nó là nguy hiểm hay là không nguy hiểm hay là sắp nguy hiểm thì thậm chí mình cũng là có đấy... Nói chung là Facebook, Zalo thì thường thường là gặp cũng gửi tin nhắn chẳng hạn giải thưởng các loại nhiều hoặc là mình kể cả là vào các trang mạng của nhà trường như là vn.edu nhưng mà nhiều lúc nó lại ra trang mạng khác nó đòi hỏi nhập các tài khoản của mình vào, nhiều lúc là cũng gặp vấn đề đấy anh ạ chứ không phải là chỉ riêng học sinh đâu. Các thầy cô thì kiến thức thì cũng cơ bản thôi chứ còn cũng rất là cần về ấy, chẳng hạn nâng cao hơn về cái về Internet này. (PVS Giáo viên, Hà Giang)

Bản thân các em học sinh, thanh thiếu niên DTTS mặc dù phần nào mong muốn và cho rằng sự hướng dẫn, bảo vệ từ cha mẹ và nhà trường trong các vấn đề an toàn trên MXH và phòng ngừa rủi ro liên quan đến mua bán người là cần thiết; các em cho biết việc quản lý, giám sát chỉ nên thực hiện ở một chừng mực nhất định, nhằm đảm bảo không can thiệp quá sâu vào các mối quan hệ riêng tư, trao đổi cá nhân của các em.

GV

Là kiểu ví dụ em dùng mạng thì thầy cô giáo quản lý không cho đăng các thứ linh tinh các thứ, nhưng mà còn nhắn tin các thứ thì mình có thể nhắn tin, không thầy cô giáo không nên cho, kiểu thầy cô giáo không quản lý cái tin nhắn của mình đấy.

Theo em cũng nên quản lý bởi vì nhá thầy cô quản lý thì sẽ biết được nguy cơ, nếu mà các em nào mà bị sa vào những fanpage lừa đảo đấy thì lúc đấy có thể thầy cô sẽ biết và giúp mình thoát ra được khỏi cái đấy. (TLN HS THCS, Điện Biên)

Thảo luận về kết quả nghiên cứu

Nghiên cứu “Thanh thiếu niên DTTS và những rủi ro trên MXH liên quan đến mua bán người” là một nỗ lực ban đầu nhằm tìm hiểu về hành vi sử dụng MXH của thanh thiếu niên DTTS cũng như mối liên hệ đến những rủi ro về mua bán người mà họ có thể gặp phải trên những không gian MXH. Kết quả nghiên cứu ban đầu cho thấy nhiều tương đồng với những xu hướng và mối liên hệ được các nghiên cứu trên thế giới đã tìm ra, đồng thời cũng là cơ sở để học hỏi và xây dựng các khuyến nghị cho định hướng can thiệp cũng như những nghiên cứu chuyên sâu trong tương lai.

Sự phát triển của Internet và sự nở rộ của các MXH ở Việt Nam đã tạo nên những thay đổi to lớn trong việc tiếp cận thông tin, giải trí, cũng như kết nối xã hội của thanh thiếu niên Việt Nam nói chung, và thanh thiếu niên DTTS nói riêng. Tham gia MXH không những giúp thanh thiếu niên có thể mở rộng kết nối xã hội, mà còn cho phép họ trao đổi thông tin, trò chuyện, và chia sẻ các nội dung cũng như hình ảnh với nhau, một cách dễ dàng và không tốn kém.⁶ Những công nghệ và dịch vụ trên mạng Internet hiện nay cho phép người sử dụng có thể giao tiếp, kết nối với cả cá nhân và lượng khán giả đông đảo trong cùng một thời điểm, thậm chí cả với những người ở khoảng cách địa lý rất xa. Điều này cũng đồng nghĩa với việc những đối tượng tội phạm mua bán người có thể vươn rộng hoạt động đến nhiều nạn nhân ở nhiều vùng địa lý hơn trong cùng lúc.

Những rủi ro trên MXH được ghi nhận trong nghiên cứu này bao gồm những vấn đề nảy sinh từ việc chia sẻ thông tin cá nhân trên MXH, việc kết bạn và gặp gỡ bạn trên MXH, những hành vi quấy rối mà người dùng MXH gặp phải, hay nguy cơ trở thành nạn nhân của lừa đảo mua bán người, bóc lột sức lao động. Theo như gợi ý của các nghiên cứu trên thế giới, mối liên hệ giữa những thói quen trên MXH với việc mua bán người thường không trực diện, việc xác định một nội dung đăng tải, một trang web hay một cá nhân trên mạng là “tội phạm buôn người” là khó khăn, chỉ có thể đặt “nghi vấn” với những nội dung đó.⁷ Tuy nhiên, một số nghiên cứu cũng đưa ra được mối liên hệ giữa việc sử dụng MXH và nạn mua bán người. Ví dụ như nghiên cứu bởi THORN (2018) cho biết 58% nạn nhân quen biết tội phạm mua bán người trên mạng đã bị thuyết phục gặp mặt ngoài đời, đặc biệt hơn, ngày nay, có đến 42% nạn nhân gặp tội phạm mua bán người trên mạng, bị lừa bán kể cả khi chưa từng gặp mặt với tội phạm.⁸

Những phát hiện về hình thức dụ dỗ nạn nhân, đặc biệt với hình thức lừa bóc lột sức lao động cũng cho thấy điểm tương đồng với các nghiên cứu trên thế giới. Tội phạm

⁶ Amanda Lenhart, Kristen Purcell, Aaron Smith, and Kathryn Zickuhr, Social Media and Young Adults, Pew Internet & American Life Project, February 3, 2010.

⁷ Mua bán người: tuyển dụng qua Internet. Hội đồng Châu Âu, 2007. Athanassia P. Sykiotou. *Trafficking in human beings: Internet recruitment*, Council of Europe, 2007, 32.

⁸ Vai trò của công nghệ trong mua bán trẻ em vì mục đích tình dục. (2018) *The Role of Technology in Domestic Minor Sex Trafficking* (2018) http://27f511qnwey246mkc1vzqg0-wpengine.netdna-ssl.com/wp-content/uploads/2018/06/Thorn_Survivor_Insights_061118.pdf.

thường nhắm đến các nạn nhân tiềm năng là những người đang gặp khó khăn về kinh tế và tìm kiếm cơ hội việc làm, đưa ra những lời hứa về công việc có lương thưởng hấp dẫn, cơ hội thay đổi cuộc đời, đưa nạn nhân vào những cái bẫy lệ phí khiến họ phải gánh những món nợ không thể trả, trở thành nô lệ lao động không công, và phải chịu đựng cuộc sống khốn cùng không lối thoát.⁹

Thanh thiếu niên DTTS ít nhiều có biết về tình trạng mua bán người và những nguy cơ liên quan trên MXH, tuy nhiên những hiểu biết đó thường chỉ là các câu chuyện kể vụn vặt mà họ nghe được, đọc được từ nhiều nguồn khác nhau. Họ chưa có được những kiến thức cụ thể, có hệ thống, để từ đó đúc rút ra được bài học cho bản thân và những người xung quanh nhằm nhận biết và phản ứng với những nguy cơ có thể xảy đến trong thực tế. Đồng thời, cách hiểu biết, định nghĩa về hiện tượng mua bán người, nạn nhân và tội phạm của mua bán người còn khá mù mờ và chưa đồng nhất.

Tại các gia đình, cụ thể với các bậc cha mẹ là người DTTS, hiểu biết và tinh thần cảnh giác với tội phạm mua bán người còn hạn chế, kiến thức về an toàn và bảo vệ an toàn cho con cái trên Internet và MXH hầu như còn là điều xa lạ.

Những nỗ lực phòng chống và giảm thiểu rủi ro mua bán người trên MXH của trường học và các địa phương hiện nay tập chung chủ yếu vào công tác tuyên truyền, giáo dục. Tuy nhiên, hiện chủ đề này còn mới, thường chỉ là nội dung lồng ghép trong kế hoạch truyền thông chung của địa phương hay trường học. Tại các địa phương, hiện chưa có hướng dẫn và tài liệu được hệ thống hoá, chi tiết, đầy đủ và minh hoạ, dẫn chứng cụ thể và hấp dẫn.

Khi liên hệ giữa thực tế hiểu biết và trải nghiệm với rủi ro trên MXH liên quan đến vấn đề mua bán người với những hoạt động can thiệp, chương trình hành động của các tổ chức hỗ trợ hiện chủ yếu tập trung giải quyết các vấn đề và hỗ trợ cho nạn nhân của những vụ buôn người đã xảy ra, chưa tập trung nhiều vào các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và kỹ năng cụ thể cho thanh thiếu niên, học sinh, giáo viên, cha mẹ học sinh và người dân nói chung về an toàn trên MXH cũng như phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro liên quan đến mua bán người. Những phát hiện trong nghiên cứu này có thể được sử dụng làm cơ sở xây dựng nội dung và cách tiếp cận cho hoạt động giáo dục và tuyên truyền về nội dung này trong thời gian tới.

Một số khuyến nghị dựa trên kết quả nghiên cứu

Khuyến nghị về hoạt động nâng cao nhận thức và kỹ năng nhận biết, giảm thiểu rủi ro trên MXH cho học sinh và thanh thiếu niên DTTS

- Thiết kế các hoạt động đa dạng, phong phú hơn nhằm tuyên truyền các kiến thức và kỹ năng liên quan. Các hoạt động truyền thông cần cụ thể, đi vào từng mạng xã hội khi mỗi nền tảng sẽ có các đặc tính riêng, nguy cơ bảo mật riêng và rủi ro khác nhau. Tùy thuộc vào loại hình mạng xã hội học sinh sử dụng, nhà trường địa phương cần có các kế hoạch hướng dẫn và tuyên truyền phù hợp.
- Thiết kế các ấn phẩm, nội dung thông điệp online hấp dẫn với nội dung kiến thức và hướng dẫn kỹ năng liên quan. Học sinh quan tâm và hào hứng hơn với các hoạt động mang tính tương tác, diễn kịch tình huống, cuộc thi, v.v.
- Các thông điệp truyền thông, ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy, tập huấn cần dễ hiểu, ngắn gọn, đi thẳng vào vấn đề. Thảo luận cho thấy nhiều thuật ngữ liên quan tới mạng xã hội và Internet có độ phức tạp cao, khiến học sinh khó khăn trong việc tiếp nhận. Hạn chế sử dụng những khẩu hiệu (slogan) hay thông điệp mang quá nhiều tầng nghĩa phức tạp cùng sản phẩm thiết kế quá trừu tượng. Người thực hiện và lên kế hoạch với các chiến dịch truyền thông cho đối tượng chính là người DTTS cần có sự nhạy cảm và hiểu biết về văn hóa, ngôn ngữ, khả năng tiếp nhận; tránh tạo ra các chiến dịch truyền thông nhằm tuyên truyền tới các vùng sâu vùng xa với đối tượng chính là người DTTS nhưng lại sử dụng góc nhìn hoàn toàn từ người Kinh.
- Những nội dung cụ thể cần được truyền tải bao gồm:
 - » Kiến thức căn bản về mua bán người, mua bán người trên mạng, MXH
 - » Kỹ năng nhận biết nguy cơ, rủi ro trên mạng và trong cuộc sống
 - » Kiến thức về an toàn trên mạng, kỹ năng phản ứng với những rủi ro trên mạng: ví dụ nhận biết thông tin giả, tài khoản giả mạo, cách phản ứng với bắt nạt, quấy rối trên mạng
 - » Các kỹ năng liên quan tới việc làm. Lừa đảo trong quá trình tìm kiếm việc làm một vấn đề như chúng tôi đã chia sẻ. Nhà trường và địa phương cần truyền thông nhiều hơn về vấn đề việc làm, cách thức tìm các công việc uy tín, làm sao để liên lạc khi cần hỗ trợ về công việc, lao động vi phạm pháp luật, v.v.
- Các hoạt động truyền thông cần nhắm tới những rủi ro mới hơn từ mạng xã hội. Hiện tại, hình thức lừa đảo trên MXH ngày càng tinh vi hơn nên cần truyền thông cụ thể nhằm đưa ra thông tin chi tiết cho từng loại hình lừa đảo.

7.

7.2

7.2.1

- Các hoạt động giáo dục, tuyên truyền cần được cân nhắc nội dung và hình phù hợp với lứa tuổi, nhóm dân tộc. Ví dụ sự quan tâm của học sinh THPT với các vấn đề liên quan đến hẹn hò, tình yêu, kết hôn, tìm việc rõ nét hơn so với nhóm THCS. Các nhóm dân tộc khác nhau thường có những dịp lễ, ngày hội khác nhau, khi các em học sinh có thể đi chơi, tham gia phiên chợ, là những dịp các em có thể hẹn gặp mặt bạn bè quen trên mạng, đồng nghĩa với nguy cơ bị buôn người có thể xảy ra hơn. Bên cạnh đó, cách sử dụng ngôn ngữ, các câu chuyện và hình ảnh minh họa cũng cần có sự nhạy cảm văn hoá, sao cho vừa đảm bảo mục đích truyền tải thông điệp nhưng không dẫn đến tình trạng gây hiểu lầm hoặc gây cảm giác khó chịu, ảnh hưởng đến tính tự tôn, nhạy cảm về hình ảnh, bản sắc của mỗi nhóm dân tộc.

7.2.2

Khuyến nghị về hoạt động nâng cao nhận thức và kỹ năng nhận biết, giảm thiểu rủi ro trên MXH cho cha mẹ của học sinh và thanh thiếu niên DTTS, người dân cộng đồng

Xây dựng các hoạt động phổ biến kiến thức, tập huấn cho cha mẹ học sinh và người dân về mua bán người, rủi ro mua bán người trên MXH. Những phương cách nhằm bảo vệ con cái, làm bạn với con để có thể khuyến khích con cái cởi mở chia sẻ các vấn đề gặp phải trên MXH với cha mẹ.

7.2.3

Khuyến nghị về hoạt động nâng cao năng lực cho giáo viên, cán bộ xã hội

- Bổ sung kiến thức chuyên sâu và kỹ năng tuyên truyền
- Cung cấp tài liệu, hướng dẫn, các ví dụ minh họa cụ thể nhằm hỗ trợ công tác giảng dạy, tuyên truyền

7.2.4

Khuyến nghị về xây dựng bộ công cụ, hướng dẫn an toàn trên mạng xã hội

- Xây dựng phần mềm hoặc cổng thông tin với hình thức thân thiện và hấp dẫn, giúp người dùng có thể sử dụng hoặc truy cập để nâng cao hiểu biết và kỹ năng trên chính điện thoại cá nhân. Có thể dưới hình thức phần mềm trò chơi (quizz) hoặc sổ tay online, mang lại thông tin về phòng chống mua bán người, nâng cao nhận thức, cảnh giác, liên kết hỗ trợ nạn nhân, hay các dịch vụ liên quan khác.
- Chuyên gia về vấn đề mua bán người: Xây dựng tài liệu hướng dẫn cụ thể về những cách thức hoạt động của tội phạm mua bán người, những hình thức lừa đảo, thuyết phục nạn nhân tiềm năng, cách thức thanh thiếu niên có thể nhận dạng những rủi ro, cách phòng ngừa, phản ứng với rủi ro khi xảy ra.
- Chuyên gia nghiên cứu: Thiết kế bộ công cụ đánh giá mức độ hiểu biết, mức độ rủi ro của thanh thiếu niên về mua bán người. Sử dụng trong thử nghiệm, giám sát và đánh giá mức độ rủi ro/ hiểu biết trước và sau chiến dịch truyền thông.
- Chuyên gia về giáo dục cho thanh thiếu niên: Thiết kế hoạt động tập huấn. (Ví dụ khoá tập huấn 45 phút, phim, hoạt hình, bài trình bày, trò chơi, v.v.)